

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai

2. Mã chứng khoán: DL1

3. Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, P. Trà Bá, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

4. Điện thoại: 02693 829 021 Fax: 02693 829 021

5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Tường Cột

6. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo thường niên:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/04/2020 tại đường dẫn: <http://.dl1.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-thuong-nien>

Tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT+ BQHNDT

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



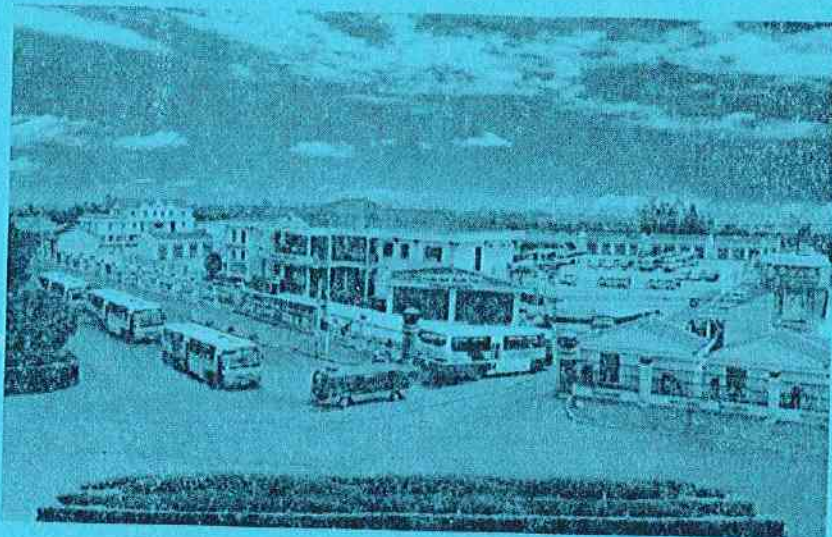
NGUYỄN TƯỜNG CỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
~*~

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

TÊN CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT
TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC
LONG GIA LAI

ĐỊA CHỈ: 43 LÝ NAM ĐẾ, TP. PLEIKU, TỈNH GIA LAI
ĐIỆN THOẠI: 0593 829 021 ; 059 2211564



Pleiku, tháng 4, năm 2020

MỤC LỤC

I	THÔNG TIN CHUNG	01
1	Thông tin khái quát.....	01
2	Quá trình hình thành và phát triển.....	01
a	Việc thành lập.....	01
b	Các sự kiện khác gắn với lịch sử hình thành và phát triển của công ty...	03
3	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	05
a	Ngành nghề kinh doanh.....	05
b	Địa bàn kinh doanh.....	08
4	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	08
a	Mô hình quản trị - Cơ cấu bộ máy quản lý.....	08
b	Các công ty con, công ty liên kết.....	09
5	Định hướng phát triển.....	11
a	Các mục tiêu chủ yếu của công ty.....	11
b	Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	11
c	Các mục tiêu phát triển bền vững.....	12
6	Các rủi ro.....	13
II	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	14
1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	14
a	Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.....	14
b	Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	15
2	Tổ chức và nhân sự.....	16
a	Danh sách Ban điều hành.....	16
b	Chính sách đối với người lao động.....	24
3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn.....	25
a	Các khoản đầu tư lớn.....	25
b	Các công ty con, công ty liên kết.....	26
4	Tình hình tài chính.....	26
a	Tình hình tài chính.....	26
b	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	27
5	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	28
a	Cổ phần.....	28
b	Cơ cấu cổ đông	28
c	Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	29
d	Giao dịch cổ phiếu quỹ.....	29
e	Các chứng khoán khác.....	29
6	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	29

a	Quản lý nguồn nguyên liệu được sử dụng.....	29
b	Tiêu thụ năng lượng.....	29
c	Tiêu thụ nước.....	30
d	Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường.....	30
e	Chính sách liên quan đến người lao động.....	30
f	Chính sách liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương... Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban chứng khoán nhà nước.....	30 31
g		
III	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	31
1	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	31
a	Thuận lợi.....	32
b	Khó Khăn.....	32
c	Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019.....	32
2	Tài hình tài chính.....	33
a	Tình hình tài sản.....	33
b	Tình hình nợ phải trả.....	33
3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	35
a	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý.....	35
b	Các biện pháp kiểm soát.....	35
4	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	35
a	Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh 2019.....	35
b	Kế hoạch đầu tư.....	36
5	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.....	37
a	Đối với môi trường.....	37
b	Đối với cộng đồng và xã hội.....	38
c	Đánh giá liên quan đến con người lao động.....	38
IV	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	38
1	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty.....	38
a	Công tác đầu tư.....	39
b	Công tác khác.....	39
c	Công tác tài chính.....	39
2	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám Đốc.....	39
a	Hoạt động giám sát.....	40
b	Kết quả hoạt động giám sát.....	40
c	Về công tác quản trị.....	40
d	về năng suất lao động, điều hành, tổ chức sản xuất.....	40
e	Về nguồn nhân lực.....	40
f	Công tác tài chính.....	40

3	Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2020.....	41
a	Các mục tiêu phân đầu.....	42
b	Định hướng phát triển các ngành nghề	42
V	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	42
1	Hội đồng quản trị.....	42
a	Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị.....	43
b	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	43
c	Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	43
d	Hoạt động của Thành viên hội đồng quản trị độc lập.....	45
2	Ban kiểm soát.....	45
a	Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát.....	45
b	Hoạt động của Ban Kiểm soát.....	46
c	Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.....	47
3	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	48
a	Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích.....	48
b	Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	48
	KẾT LUẬN	50

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa quý cổ đông!

Trước tiên, thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (HNX: DL1), tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc tới quý cổ đông, khách hàng và đối tác đã đồng hành với Công ty trong suốt thời gian qua.

Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã qua 14 năm hình thành và phát triển, với nhiều thành tựu đạt được rất đáng trân trọng, Công ty luôn tự hào khi luôn giữ được giá trị cốt lõi trong 14 năm qua, dù phải đối mặt với nhiều biến động kinh tế vĩ mô trong nước. Và chính trong những thách thức khắc nghiệt của thị trường và những rủi ro tiềm ẩn của môi trường kinh doanh, Công ty luôn tìm thấy những cơ hội phát triển dựa trên những lợi thế cạnh tranh từ chính năng lực nội tại của mình.

Năm 2019 là năm đánh dấu năm hình thành và phát triển công ty cũng như đánh dấu mốc công ty hoạt động theo cơ chế cổ phần. Theo đó, bên cạnh những thành tích đạt được thì những khó khăn, thách thức mà công ty phải đối diện còn rất nhiều. Mở rộng được ngành nghề kinh doanh, nâng cao được vị thế và năng lực tài chính, gia tăng được doanh thu, lợi nhuận và tăng lợi ích của cổ đông. Diện tích mở rộng Bến xe Đức Long Gia Lai theo chủ trương xã hội hóa đầu tư và khai thác Bến xe khách của Thủ tướng Chính phủ. Để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển giao thông vận tải của địa phương, phù hợp với quy hoạch đã được Bộ GTVT phê duyệt, Công ty xin chuyển 20.904,5 m² diện tích tại đường Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Thành phố Pleiku cách trung tâm thành phố Pleiku 02 km. Để mở rộng Bến xe khách Đức Long Gia Lai nhằm tăng diện tích đậu đỗ cho xe khách và các hạng mục công trình công cộng khác của Bến xe khách đã bị quá tải. Qua quá trình xem xét, lấy ý kiến tham mưu của các sở ban ngành, Công ty đã được UBND tỉnh Gia Lai đã chấp thuận chủ trương mở rộng Bến xe khách Đức Long Gia Lai. Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã nhanh chóng triển khai, đưa vào khai thác, sử dụng toàn bộ diện tích đất mở rộng Bến xe khách để phục vụ kịp thời cho hoạt động và nhu cầu đi lại của Bến xe khách Đức Long Gia Lai. Quy hoạch khu đất đầu tư và xây dựng thành một dự án tổng thể, chất lượng cao. Phân thành hai khu riêng biệt, chức năng khác nhau có kiến trúc đẹp, hiện đại đạt tiêu chuẩn bãi đỗ xe khách và một phần bãi đỗ xe tải được bố trí phù hợp với dự án tổng thể.

Trong năm 2020, với diễn biến của dịch Covid – 19 đang rất phức tạp chắc chắn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong đó có Công ty chúng ta. Hội đồng quản trị sẽ nỗ lực hết mình để tiếp

hơn nữa, đưa Công ty hướng đến mục tiêu “Nâng tầm cao mới - Vững tiến xa hơn”. Tất cả cán bộ nhân viên trong Công ty cùng nhau quyết tâm tạo dựng thương hiệu DL1 trở thành niềm tự hào không chỉ cho chúng ta, mà còn góp phần tạo ra nhiều giá trị vật chất, tinh thần cho toàn xã hội và sự nghiệp phát triển chung của đất nước.

Sau một năm đầy thành công với những kết quả hết sức lạc quan, tôi xin gửi lời chân thành cảm ơn đến các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát đã có những đóng góp thiết thực về chiến lược kinh doanh; Cảm ơn các đối tác và khách hàng đã đặc trọn niềm tin vào DL1; Cảm ơn toàn thể các cán bộ CNV vì sự nghiệp trung thành, cam kết đồng hành cùng công ty và nhất là xin cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của quý cổ đông. Thành công hôm nay của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai, là quyết tâm làm việc hết mình, làm việc đến cùng của nhiều thế hệ cán bộ, nhân viên và bước đầu đã hình thành một thương hiệu DL1 đã được khẳng định tên tuổi, khẳng định giá trị trên thị trường Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng quản trị công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông, quý đối tác, quý khách hàng sẽ tiếp tục đồng hành, gắn bó cùng công ty trong thời gian tới. Để kết thúc những thông điệp đồng thời cũng là những lời cam kết hành động của tập thể HĐQT. Chúng tôi luôn đặt quyền lợi của cổ đông là mục tiêu phấn đấu cao nhất và cam kết sẽ luôn xứng đáng với sự tin cậy của Quý cổ đông, khách hàng và đối tác.

Xin kính chúc toàn thể quý vị dồi dào sức khỏe, an khang thịnh vượng

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI.

Tên tiếng nước ngoài: DucLong GiaLai Investment and Development of Public project Service JSC.

Tên viết tắt: DLGL INDPS

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900437257

Vốn điều lệ: 1.011.773.530.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.011.773.530.000 đồng

Trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, P. Trà Bá, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: (84.269) 3829.021

Fax: (84.269) 3829.021

Website: <http://www.dl1.com.vn>

Email: admin@duclonggroup.com

Mã chứng khoán: DL1

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Việc thành lập

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai tiền thân là Chi nhánh Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai thuộc Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3911000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 20/12/2005, thay đổi lần thứ 16 ngày số 5900437257 ngày 23/11/2017.

- Ngày 07/11/2006, Sở Giao thông Vận tải Tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 61/QĐ-SGTVT v/v xếp loại Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia lai đạt tiêu chuẩn Bến xe Loại I.

- Ngày 29/10/2009, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

- Công ty chính thức được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000170 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 21/12/2007. Được thay đổi lần thứ 16 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900437257 vào ngày 23/11/2017. Tăng vốn điều lệ từ 168.924.880.000 đồng lên 1.011.773.530.000 đồng.

- Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 27/2010/GCNCNP – VSD- 4 ngày 28/01/2010 với mã chứng khoán DL1, thay đổi lần 8 ngày 20/11/2017. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 10/03/2010.

Quá trình tăng vốn điều lệ

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (Đồng)	Phương thức
1.	Ngày 21/12/2007	9.500.000.000	Góp vốn thành lập công ty.
2.	Ngày 16/10/2009	15.000.000.000	Phát hành riêng lẻ thêm 5,5 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ lên 15,0 tỷ đồng.
3.	Ngày 02/12/2010	18.000.000.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2009 là 300.000 Cổ phiếu tương đương với 3 tỷ đồng.
4.	Ngày 16/01/2012	20.699.940.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2010 là 269.994 cổ phiếu tương đương với 2.699.940.000 đồng.
5.	Ngày 06/12/2012	24.839.360.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2011 là 413.942 cổ phiếu tương đương với 4.139.420.000 đồng.
6.	Ngày 15/11/2013	28.564.540.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012 là 372.590 cổ phiếu tương đương với 3.725.900.000 đồng.
7.	Ngày 12/12/2014	31.420.260.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2013 là 285.572 cổ phiếu tương đương với 2.855.720.000 đồng.
8.	Ngày 01/04/2016	152.186.560.000	Phát hành 12.076.630 cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi với Công ty CP khoáng sản và luyện kim Tây Nguyên tương đương với 120.766.300.000 đồng.
9.	Ngày 29/07/2016	168.924.880.000	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2015 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là 1.673.832 cổ phiếu tương đương 16.738.320.000 đồng.
10.	23/11/2017	1.011.773.530.000	Số lượng chào bán cổ phiếu ra công chúng đã phân phối: 84.284.865 cổ phiếu, chiếm 99,79% tổng số cổ phiếu được phép chào bán. Số tiền thu được

		từ việc bán cổ phiếu 842.848.650 đồng tăng vốn điều lệ từ 168.924.880.000 đồng lên 1.011.773.530.000 đồng.
--	--	---

b) Các sự kiện khác gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

Đợt 1: Góp vốn thành lập Công ty

- Căn cứ Biên bản họp cổ đông sáng lập ngày 29/11/2007 về việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

- Số vốn góp: 9.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ năm trăm triệu đồng).
- Số cổ đông sáng lập: 04 cổ đông
- Vốn điều lệ: 9.500.000.000 đồng
- Trong đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai góp 8,2 tỷ đồng bằng giá trị tài sản thuộc Bến xe Đức Long Gia Lai theo Biên bản góp vốn ngày 08/01/2007 (không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất).

Đợt 2: Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng

- Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2009 ngày 15/09/2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

- Số cổ phần phát hành: 5.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ năm trăm triệu đồng).
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ (cho 94 cổ đông)
- Đối tượng phát hành:

CBCNV Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- o Số lượng: 337.200 cổ phần.
- o Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- o Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- o Số lượng cổ đông: 35 người.

CBCNV Công ty:

- o Số lượng: 55.000 cổ phần.
- o Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- o Số lượng cổ đông: 48 người.

Nhà đầu tư khác:

- o Số lượng: 157.800 cổ phần.
- o Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- o Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- o Số lượng cổ đông: 11 người.

- **Vốn điều lệ sau phát hành:** 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng)

Đợt 3: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 10:2 nhằm tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng.

Niêm yết:

- Ngày 10/03/2010, Công ty chính thức niêm yết 1.500.000 cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội (HNX) với mã Chứng khoán là DL1.

- Ngày 02/12/2010, ngày giao dịch đầu tiên của 300.000 Cổ phiếu chia cổ tức để tăng vốn điều lệ Công ty lên 18 tỷ đồng.

Đợt 4: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 20:3 nhằm tăng vốn điều lệ từ 18 tỷ lên 20.699.940.000 VND.

Đợt 5: Chia trả cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 10:2 nhằm tăng vốn điều lệ từ 20.699.940.000 VND lên 24.839.360.000 đồng.

Đợt 6: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 20:3 nhằm tăng vốn điều lệ từ 24.839.360.000 đồng lên 28.564.540.000 đồng.

Đợt 7: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 10:1 nhằm tăng vốn điều lệ 28.564.540.000 từ đồng lên 31.420.260.000 đồng.

Đợt 8: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi cổ phần:

- Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2015 số 01-NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/05/2015 và Nghị quyết ĐHCĐ số 02-NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/10/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

- Số cổ phiếu phát hành: 12.076.630 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng một năm.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ.
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ để hoán đổi cổ phần.
- Đối tượng phát hành:

Công ty Cổ phần Khoáng sản và luyện kim Tây Nguyên

- o Số lượng: 12.076.630 cổ phần.

- o Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng một năm.
- o Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- o Số lượng cổ đông: 16 người.

- **Vốn điều lệ sau phát hành:** 152.816.560.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi hai tỷ, tám trăm mười sáu triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

Đợt 9: Chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư cho Cổ đông hiện hữu:

- Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 100:5,5
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 100:5,5
- Nhằm tăng vốn điều lệ từ 152.816.560.000 đồng lên 168.924.880.000 đồng.

Đợt 10: Số lượng chào bán cổ phiếu ra công chúng đã phân phối: 84.284.865 cổ phiếu, chiếm 99,79% tổng số cổ phiếu được phép chào bán.

- Số tiền thu được từ việc bán cổ phiếu 842.848.650 đồng. Tăng vốn điều lệ từ 168.924.880.000 đồng lên đồng 1.011.773.530.000 đồng:

- Mua lại vốn góp Công ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng: 197.573.800.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 98,787%.
- Mua lại vốn góp Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng Vạn Gia Long 5.880.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 98%.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.
Chi tiết:
- ✓ Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước;
- ✓ Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- ✓ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- ✓ Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Chi tiết:

- ✓ Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu
- ✓ Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ.
- ✓ Vận tải hành khách bằng đường bộ khác

Chi tiết:

- ✓ Vận tải hành khách theo tuyến cố định.
- ✓ Dịch vụ ăn uống khác.
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
Chi tiết: + Vận tải hành khách bằng xe buýt.
- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- ✓ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- ✓ Vận tải bằng xe buýt;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- ✓ Buôn bán tổng hợp.
- ✓ Chi tiết: Buôn bán hàng tiêu dùng;
- ✓ Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc;
- ✓ Bán buôn kim loại và quặng kim loại.
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không mua bán gỗ);
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- ✓ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT);
- ✓ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc;
- ✓ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
Chi tiết: Mua bán phân bón;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ✓ Cát, tạo dáng và hoàn thiện đá.
- ✓ Xây dựng nhà các loại.
Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- ✓ Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);

- ✓ Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- ✓ Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn cà phê;
- ✓ Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- ✓ Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- ✓ Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ✓ Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không hoạt động đấu giá);
- ✓ Hoạt động thiết kế chuyên dụng.
- ✓ Chi tiết: Trang trí nội thất;
- ✓ Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- ✓ Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh;
- ✓ Trồng rừng và chăm sóc rừng.
- ✓ Chi tiết: Trồng rừng;
- ✓ Đại lý, môi giới, đấu giá.
- ✓ Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- ✓ Trồng cây lâu năm khác.
- ✓ Chi tiết: Trồng cây công nghiệp;
- ✓ Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
- ✓ Chi tiết: Chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở);
- ✓ Nuôi trồng thủy sản nội địa.
- ✓ Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.
Chi tiết: Dịch vụ thương mại;
- ✓ Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu.
- ✓ Chi tiết: Chế biến thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống);
- ✓ Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục).
- ✓ Chi tiết: May thêu công nghiệp;
- ✓ Sản xuất các loại dây bện và lưới.

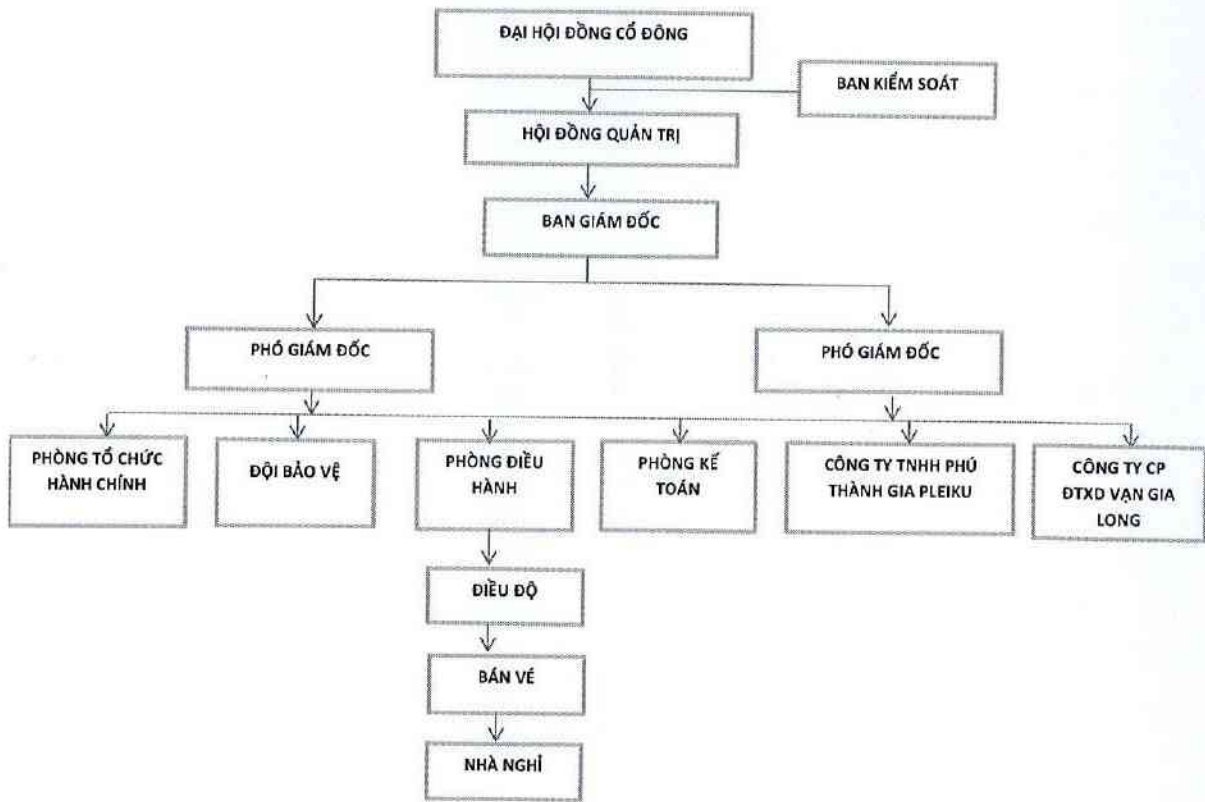
- ✓ Chi tiết: Dệt các loại dây phục vụ ngành may như: Dây luồn áo, dây cột giày, dây lõi để dệt dây khóa kéo;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.
- ✓ Chi tiết: Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; Hoạt động của các ngầm đường thủy.

b) Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh được thực hiện chủ yếu trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

a) Mô hình quản trị - Cơ cấu bộ máy quản lý



Mô hình quản trị

Hiện tại, Công ty CP Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai đang áp dụng theo mô hình tổ chức của các Công ty cổ phần. Bộ máy quản lý của công ty được xây dựng trên mục tiêu phát triển, chiến lược kinh doanh của công ty, đồng thời tuân thủ theo các quy định của luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Cơ cấu bộ máy quản lý

• Đại hội đồng cổ đông.

Gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị công ty.

• Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm có 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý của công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị bầu 01 thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:

- Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Chuẩn bị chương trình nội dung tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị.
- Quyền và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Các thành viên Hội đồng quản trị gồm:

- ✓ Ông: Nguyễn Tường Cột – Giám đốc
- ✓ Ông: Nguyễn Tuyển – Thành viên HĐQT
- ✓ Ông: Bùi Minh Đức – Thành viên HĐQT
- ✓ Ông: Phạm Minh Việt – Thành viên HĐQT
- ✓ Ông: Đỗ Chiến Đấu – Thành viên HĐQT

• Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát hiện có 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Các thành viên Ban kiểm soát gồm:

- ✓ Ông: Võ Sỹ Việt – Trưởng ban kiểm soát
- ✓ Ông: Vũ Văn nghĩa – Thành viên Ban kiểm soát
- ✓ Bà: Trần Thị Kim Cúc – Thành viên ban kiểm soát

b) Các công ty con, công ty liên kết

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

- Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku

+ Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

+ Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không mua bán gỗ); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mua bán phân bón); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

+ Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80%.

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80%.

+ Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long

+ Địa chỉ trụ sở chính: 149 – 151 đường 9A KDC Trung Sơn, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, chuẩn bị mặt bằng, xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, lắp đặt hệ thống điện; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động thiết kế chuyên dụng, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Trồng rừng và chăm sóc rừng, trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre nứa, rom , rạ và vật liệu tết bện; Bán buôn nông, lâm nguyên liệu (từ tre gỗ, nứa, động vật sống); Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu; Khai thác gỗ, bán lẻ lương thực, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán buôn thực phẩm.

+ Vốn điều lệ: 800.000.000.000 đồng.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98,5%.

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98,5%.

+ Tình trạng hoạt động: Thoái vốn ngày 06/04/2019.

5. Định hướng phát triển

- Với định hướng phát triển công ty nhằm ổn định, bền vững, không ngừng nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, khẳng định giữ vững vai trò là đơn vị cung cấp vận tải hành khách công cộng chủ lực của thành phố.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ nhằm tạo tâm lý thoải mái thu hút hành khách vào bến xe.

- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu các văn bản pháp luật có hiệu lực để sửa đổi bổ sung quy chế công tác cán bộ quy hoạch theo đúng quy định và triển khai đào tạo nguồn nhân lực theo kế hoạch đề ra, đào tạo nâng cao trình độ quản lý cho lãnh đạo cấp trung, mạnh dạn đổi mới trong việc bố trí, luân chuyển cán bộ, nhân viên phù hợp với nhân lực, sở trường công tác nhằm đáp ứng nhu cầu SXKD của Công ty.

- Dem lại giá trị cao cho cuộc sống người lao động với mức thu nhập tốt với văn hóa doanh nghiệp tốt, môi trường làm việc thân thiện, bình đẳng, đoàn kết

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận các chỉ tiêu của năm 2020 và các năm tiếp theo do Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh

- Không ngừng nâng cao lợi ích của các Cổ đông

- Tăng tích lũy, phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty

- Thực hiện tốt nghĩa vụ với nhà nước, góp phần phát triển kinh tế địa phương và xây dựng đất nước.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Thời gian trả nợ được cân đối phù hợp với nguồn thu từ các dự án, đặc biệt, luôn đảm bảo cho tính an toàn và hợp lý trong cơ cấu tài chính.

- Cơ cấu tài sản, nguồn vốn và chất lượng nợ phải thu/nợ phải trả của Công ty được cải thiện rõ, giảm thiểu đáng kể các rủi ro tài chính và rủi ro thị trường trong tiến trình kinh doanh.

- **Dịch vụ vận chuyển:** Sự phát triển không ngừng của thương mại nội địa và thương mại quốc tế đã khiến cho dịch vụ vận tải càng ngày càng được nâng cao. Với phương châm đặt lợi ích của khách hàng lên làm mục tiêu hàng đầu, chúng tôi luôn luôn tìm tòi nghiên cứu và phát triển ra nhiều dịch vụ tốt nhất để phục vụ cho tất cả mọi khách hàng từ khắp mọi miền tổ quốc. Đầu tư mới phương tiện vận chuyển hành khách, áp dụng công nghệ mới trong công tác quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng dịch vụ.

- **Dịch vụ bến bãi:** Thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý hoạt động vận tải tại, tuyên truyền hướng dẫn, quán triệt thực hiện các văn bản chỉ đạo

của Bộ GTVT, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, UBND tỉnh và Sở GTVT trong lĩnh vực vận tải hành khách cũng như các lĩnh vực khác có liên quan đến công tác vận tải. Tiếp tục thực hiện sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức, bố trí cán bộ, nhân viên làm việc trên các bến xe phù hợp, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Chỉ đạo các bến xe thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát về thực hiện hợp đồng vận tải khách, tổ chức quản lý điều hành vận tải theo quy định tại phụ lục số 35 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT “Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ”. Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện đồng bộ các văn bản của Nhà nước về quản lý hoạt động vận tải khách; tuyên truyền, quán triệt cho đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe thực hiện đúng quy định của Nhà nước.

- **Kinh doanh mua bán đá:** Là sản phẩm thích hợp cho các hộ gia đình, sản phẩm cứng cáp đẹp bền vĩnh cửu với thời gian. Công ty thi công đều đã qua các khâu chọn lọc kỹ nên chất lượng tốt, đạt được các tiêu chuẩn quốc tế về độ bóng, độ hút nước, độ bền nén, độ bền uốn và độ mài mòn. Không ngừng nâng cao chất lượng cũng như mẫu mã, nhằm mang đến tay khách hàng những sản phẩm ưng ý nhất.

- **Kinh doanh mua bán phân bón:** Hy vọng có thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng cao của thị trường phân bón hiện nay, sản phẩm đáp ứng hầu hết nhu cầu dinh dưỡng của các loại cây trồng, sản phẩm kết hợp được nhiều thành phần trong mỗi viên phân, đảm bảo hàm lượng dinh dưỡng cao, giúp phân tan nhanh, cây trồng dễ hấp thụ, giảm thất thoát dinh dưỡng do điều kiện thời tiết gây ra. Tìm những nguồn cung cấp có giá cả phù hợp, chất lượng tốt mang lại hiệu quả kinh tế cao, đặc biệt là tiết kiệm được kinh phí vận chuyển và chủ động dự trữ và bảo quản hàng hóa, đảm bảo cung cấp hàng kịp thời. Quản lý tốt hàng tồn kho tránh thất thoát, lãng phí. Đáp ứng định hướng và xu thế chung của ngành nông nghiệp, hướng đến nền nông nghiệp xanh – sạch – bền vững.

- **Bất động sản:** Đầu tư địa ốc từ nước ngoài ở Việt Nam có thể sẽ giảm. Do đó, khu vực bất động sản cực kỳ khó khăn và sẽ lôi kéo tình trạng khủng hoảng tài chính của Việt Nam. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình hình trên là do các quy định pháp luật về đầu tư, nhà ở, đất đai, quy hoạch chưa có sự thống nhất trong quá trình chuyển tiếp và ban hành. Tất cả những phân khúc thị trường, từ phân khúc thị trường du lịch nghỉ dưỡng đến bất động sản thương mại, bất động sản công nghiệp cho đến nhà ở đều đang bị ảnh hưởng bởi tình trạng suy giảm của nền kinh tế. Ngành bất động sản đang thật sự gặp những khó khăn và có dấu hiệu giảm sút.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững

- Tiếp tục đẩy mạnh chi phí và thời gian phù hợp, tăng tốc độ phát triển dự án, đẩy mạnh công tác kinh doanh. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực vốn chủ sở hữu, duy trì các chỉ số tài chính vượt trội so với các đối thủ cạnh tranh trên cùng phân khúc.

- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, để nâng cao năng suất làm việc, tiết giảm chi phí. Triển khai các chính sách và kế hoạch kinh doanh thuyết phục. Nghiên cứu các hình thức đầu tư - hợp tác dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Xây dựng chiến lược tiếp thị - truyền thông hiệu quả, phù hợp với hoạt động kinh doanh. Gia tăng mức độ nhận biết và nâng cao sức mạnh của thương hiệu DL1. Duy trì và mở rộng các quan hệ với cơ quan truyền thông, cơ quan quản lý Nhà nước, ngân hàng và đối tác để chuyển tải kịp thời và chính xác thông tin về Công ty. Duy trì và phát triển công tác PR, góp phần nâng cao thương hiệu, gia tăng giá trị thương trường và tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu DL1.

- Quy hoạch, phát triển, đào tạo đào đội ngũ lãnh đạo kế thừa, đủ năng lực, trí tuệ và phù hợp với văn hóa doanh nghiệp. Thu hút nhân lực quản lý, các chuyên viên có năng lực và chuyên môn cao, đủ đáp ứng tốc độ phát triển các dự án và mở rộng hoạt động kinh doanh. Xây dựng môi trường làm việc hiện đại, nhân văn bằng các chính sách đào tạo, phát triển con người hợp lý, chế độ lương - thưởng hấp dẫn. Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng đến sự hài hòa quyền lợi của tất cả các bên có liên quan, đảm bảo sự công bằng, minh bạch trong mọi trường hợp.

- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng nền tảng quản trị nội bộ theo định hướng chuẩn hóa các quy trình và tiêu chuẩn. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có thể đồng hành và gắn bó với Công ty trong việc giữ vững vị thế hàng đầu thị trường.

6. Các rủi ro

Năm 2019, dưới những tác động tiêu cực của nền kinh trên thế giới và trong nước cũng ảnh hưởng trực tiếp đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

Rủi ro về kinh tế:

Có thể nói rằng năm 2019 là một năm khó khăn về nền kinh tế toàn cầu, cũng có thể là năm bắt đầu cho chuỗi năm suy thoái kinh tế. Khi nền kinh tế suy thoái, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống người dân gặp nhiều khó khăn thì nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách cũng giảm sút, gây khó khăn cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải.

Rủi ro đặc thù: Tai nạn giao thông là rủi ro thường trực đến với bất kỳ doanh nghiệp nào trong lĩnh vực kinh doanh vận tải, nó gây ra tổn thất không nhỏ về kinh tế và nhân sự cho doanh nghiệp, rủi ro này có thể xảy ra vào thời điểm bất kỳ ngoài ý muốn chủ quan của công ty, mặc dù công ty đã có nhắc nhở giáo dục thường xuyên đối với đội ngũ lái xe của công ty, đồng thời có mua bảo hiểm theo quy định của Nhà Nước nhằm hạn chế tổn thất tai nạn giao thông.

Rủi ro từ cạnh tranh: Các Doanh nghiệp vận tải lớn với lợi thế tiềm lực tài chính mạnh và quy mô lớn, đang ngày càng chiếm lĩnh thị phần lớn trên thị trường.

Công ty sẽ chịu sự cạnh tranh gay gắt, thị phần còn thấp chưa dùng hết năng lực hiện có, nên hiệu quả kinh doanh đạt được chưa cao

Rủi ro luật pháp: Là những rủi ro thay đổi chính sách theo chiều hướng bất lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro luật pháp còn là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, phù hợp với các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Là Doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần đồng thời niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, vì vậy mọi hoạt động của công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định hướng dẫn liên quan. Các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này cũng đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung hoàn thiện. Sự thay đổi trong luật pháp với chính sách của nhà nước ít nhiều cũng hưởng đến hoạt động kinh doanh và quản trị công ty.

Nhà nước và ngành giao thông vận tải đã ban hành nhiều quy định pháp luật nhằm xây dựng và củng cố trật tự giao thông, từ đó ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải.

Rủi ro khác: Một vài rủi ro mang tính hệ thống nên khi xảy ra, Công ty vẫn không thể tránh khỏi: thiên tai, ô nhiễm môi trường,... gây thiệt hại về tài sản, con người có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu bằng việc luôn chú trọng đề phòng, xây dựng các giải pháp ứng phó trong trường hợp xấu nhất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
1	Doanh thu thuần	184.438.455.334	201.026.788.860	9,0
2	Giá vốn hàng bán	174.239.178.264	194.036.663.359	11,4
3	Lợi nhuận gộp	10.199.277.070	6.990.125.501	-31,5
4	Doanh thu từ hoạt động tài chính	62.943.319.689	56.578.775.390	-10,1
5	Chi phí hoạt động tài chính	16.954.494.622	20.598.197.851	21,5
6	Chi phí bán hàng	1.248.812.652	1.168.153.123	-6,5

7	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	9.040.976.847	12.752.665.991	41,1
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	45.898.312.638	29.047.443.072	-36,7
9	Lợi nhuận khác	-22.082.546.485	-10.318.425.520	-53,3
10	Lợi nhuận trước thuế	23.815.766.153	18.729.017.552	-21,4
11	Lợi nhuận sau thuế	17.267.631.085	16.005.464.798	-7,3
12	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	165	157	-4,8

- Các chỉ tiêu chi phí của Công ty như chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng. Cụ thể năm 2019 so với năm 2018 như chi phí hoạt động tài chính tăng 21,5%, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 41,1%. Điều này là vấn đề đáng lưu tâm trong quá trình quản trị công ty.

Thương mại dịch vụ

- Công ty đã xây dựng hệ thống nhà nghỉ với hơn 30 phòng nghỉ được trang bị đầy đủ tiện nghi: Điều hòa nhiệt độ, nóng lạnh, truyền hình cáp,... đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi của khách đi xe và lái phụ xe sau những chuyến đi dài mệt mỏi. Đầu tư hơn 50 kiốt cho các hộ kinh doanh thuê để bán hàng, kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh giải khát, dịch vụ rửa xe. Có khu dãy nhà vệ sinh công cộng phục vụ cho việc sinh hoạt cá nhân của hành khách, nhằm đáp ứng một cách đầy đủ nhất các loại hình dịch vụ cho khách đi xe và lái, phụ xe.

- Tại các bến xe Đức Long Gia Lai của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai dịch vụ trông giữ xe luôn được triển khai 24h/24h, tiện lợi cho người gửi xe, đảm bảo an toàn tuyệt đối khi gửi phương tiện tại các bến xe.

b). Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện các hoạt động kinh doanh trọng tâm và được một số kết quả trong năm 2019 như sau:

Tiếp tục cơ cấu lại các khoản đầu tư chưa hiệu quả hoặc chưa phù hợp với chiến lược đầu tư kinh doanh của Công ty, giám sát tích cực thu hồi các khoản đầu tư đã cơ cấu trong các năm trước.

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch Năm 2019	Thực hiện Năm 2019	TH 2019/KH (%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	200	201	101
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập	20	16	80

Riêng khoản Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với kế hoạch, điều này cho thấy năm 2019, công ty đã vượt qua được giai đoạn khó khăn do Ban Giám đốc đã có chiến lược phát triển kinh doanh nâng cao hiệu quả.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành

Hội đồng quản trị gồm:

Stt	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Tường Cột	Chủ tịch HĐQT	965.700	0,954%	
2	Nguyễn Tuyền	Thành viên HĐQT	0	0	
3	Đỗ Chiến Đâu	Thành viên HĐQT	44.918	0,04%	
4	Bùi Minh Đức	Thành viên HĐQT	0	0	
5	Phạm Minh Việt	Thành viên HĐQT	0	0	

❖ Ông Nguyễn Tường Cột: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tỷ lệ sở hữu 0,954% cổ phần có quyền biểu quyết.

Tên: Nguyễn Tường Cột

Sinh năm: 10/10/1984

Nguyên quán: Ân Đức, Hoài Ân, Bình Định

Cư trú: Ân Đức, Hoài Ân, Bình Định

Trình độ: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 2006 – 8/2015 - Làm việc tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- Từ 9/2015 – 4/2016 - Cán bộ phòng kế hoạch điều độ Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.
- Từ 5/2016 – Nay - Giám đốc Công ty Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.
- Từ 07/2017- 04/2018 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai.
- Từ 04/2018 – Nay - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai.

❖ Ông Nguyễn Tuyển: Thành viên Hội đồng quản trị.

Tên: Nguyễn Tuyển
 Sinh năm: 04/04/1961
 Nguyên Quán: Thành phố Huế
 Cư trú: 214 Phan Đình, Giót, TP Pleiku, Gia Lai
 Trình độ: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

- Từ 05/1987- 04/1989 - Phó Văn phòng ủy ban huyện An Khê
- Từ 04/1989 – 06/1993 - Giám Đốc xí nghiệp giấy tại An Khê
- Từ 06/1993 – 12/1996 - Trạm trưởng Trạm trồng rừng An Khê
- Từ 12/1996 – 01/2004 - Phó trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính huyện An Khê.
- Từ 11/2004 – 11/2009 - Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện Đak Pơ.
- Từ 11/2009 – Nay - Chánh Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Từ 4/2017- Nay - Ủy viên HĐQT Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.

❖ **Ông Đỗ Chiến Đấu: Thành viên Hội đồng quản trị.**

Tên: Đỗ Chiến Đấu
Sinh năm: 13/05/1948
Nguyên quán: Phú Mẫn, Thị Trấn Chờ Yên Phong, Bắc Ninh
Cư trú: 44 Lê Duẩn, Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 1995 - 2002 - Giám Đốc Công ty Vận Tải Hành Khách Gia lai
- Từ 2003 - 2005 - Giám Đốc Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận tải Gia Lai
- Từ 2006 – 2009 - Giám Đốc và trợ lý Công Ty CPĐT PTDVCTCC Đức Long Gia Lai
- Từ 06/2019 – Nay - Ủy viên HĐQT Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.

❖ **Ông Bùi Minh Đức: Thành viên Hội đồng quản trị.**

Tên: Bùi Minh Đức
Sinh năm: 10/04/1996
Nguyên quán: Tp. Pleiku, Gia Lai
Cư trú: 184 Lê Đại Hành Phường 15. Quận 11. Tp. Hồ chí Minh
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ năm 2015 – 2019 - Tốt nghiệp Phổ thông trung học bằng Quốc tế Mỹ
- Từ 06/2019 – nay - Tổng Giám đốc Khách sạn Cicila Sài Gòn Hotel & Spa
- Từ 06/2019 – Nay - Ủy viên HĐQT Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.

❖ **Ông Phạm Minh Việt: Thành viên Hội đồng quản trị.**

Tên: Phạm Minh Việt
Sinh năm: 29/11/1975
Nguyên quán: Nghĩa Dõng - Quảng Ngãi

Cư trú: 26 Hoàng Quốc Việt, Phường Hoa Lư, Pleiku, Gia Lai

Trình độ: Đại học - Kỹ sư xây dựng cầu đường

Quá trình công tác:

- Từ 2003 – 06/2006 - Trưởng phòng Kỹ thuật Cty TNHH Tư vấn Công trình Sài Gòn
- Từ 07/2006 – 04/2009 - Trưởng phòng Kỹ thuật Cty CP Tư vấn Phương Nam
- Từ 04/2009 – 03/2010 - Giám đốc điều hành dự án Cty CP ĐTXD&TM Thăng Long
- Từ 03/2010 – 10/2010 - Trưởng Ban BOT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Từ 10/2010 – Nay - Phó Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Từ 04/2019- Nay - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long
- Từ 06/2019 - Thành viên HĐQT Công ty CP ĐTPPT DV CTCC Đức Long Gia Lai
- Từ 06/2019 – Nay - Thành viên HĐQT Công ty CP ĐTPPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

Ban kiểm soát gồm:

Stt	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Võ Sỹ Việt	Trưởng ban kiểm soát	0	0	
2	Trần Thị Kim Cúc	Thành viên ban kiểm soát	2.555	0,003%	
3	Vũ Văn Nghĩa	Thành viên ban kiểm soát	0	0	

❖ Ông Võ Sỹ Việt: Trưởng ban kiểm soát.

Tên: Võ Sỹ Việt
Sinh năm: 10/11/1975
Nguyên quán: Phúc Trạch – Hương Khê – Hà Tĩnh
Cư trú: 04/44 Tuệ Tĩnh, P.Iakring, Tp.Pleiku, Gia Lai
Trình độ: Trung cấp tài chính kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 12/2000 – 9/2002 - *Quyền Kế toán trưởng Công ty Thương Mại Huyện Chư Prông*
- Từ 10/2002 – 05/2006 - *Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Thương Mại Tây Gia Lai*
- Từ 06/2006- 10/2009 - *Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thương Mại Tây Gia Lai*
- Từ 11/2009 – 12/2013 - *Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Gạch Tuyển Bát Trảng Gia Lai*
- Từ 01/2014 – 01/2016 - *Phó giám đốc kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Gia Lai*
- Từ 5/2017 – nay - *Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai*

❖ Bà Trần Thị Kim Cúc: Thành viên Ban kiểm soát. Tỷ lệ sở hữu 0,003% cổ phần có quyền biểu quyết

Tên: Trần Thị Kim Cúc
Sinh năm: 15/07/1982
Nguyên quán: Ân Tường Đông - Hoài Ân- Bình Định
Cư trú: Phường Trà Bá – Tp. Pleiku – tỉnh Gia Lai.
Trình độ: Kế toán viên.

Quá trình công tác:

- Từ 2006 - 2014 - *Nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai*
- Từ 2009-05/2017 - *Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai*

- Từ 05/2017 - Nay - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai.

❖ Ông Vũ Văn Nghĩa: Thành viên Ban kiểm soát.

Tên: Vũ Văn Nghĩa
 Sinh năm: 20/01/1986
 Nguyên quán: Phú Xuyên – Hà Nội
 Cư trú: Xã Ia Kha – huyện IaGrai – Gia Lai
 Trình độ: Trung cấp giao thông vận tải.

Quá trình công tác:

- Từ 3/2009 – 11/2012 - Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai
- Từ 12/2012 – 2/2014 - Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai
- Từ 3/2014 – 4/2015 - Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai
- Từ 5/2015 – 2017 - Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai
- Từ 05/2017 - Nay - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai.

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Stt	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Tường Cột	Giám đốc	965.700	0,954%	
2	Phạm Tiến Dũng	P. Giám đốc	2.555	0,003%	

3	Chu Sỹ Hoạt	P. Giám đốc	2.553	0,003%	
4	Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	2.555	0,003%	

❖ Ông Nguyễn Tường Cột – Giám đốc (Xem mục II, điều 2 khoản a)

❖ Ông : Chu Sỹ Hoạt – Phó Giám đốc

Tên: Chu Sỹ Hoạt
 Sinh năm: 25/10/1972
 Nguyên quán: Cương Gián, Nghi Xuân, Hà Tĩnh
 Cư trú: Tổ 4, Phường Thăng Lợi, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
 Trình độ: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

- Từ 2001 – 2005 - Trưởng phòng vé – Bến xe khách Liên tỉnh Gia Lai
- Từ 01/2006 – 2008 - Cán bộ phòng Kế hoạch điều độ - Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai.
- Từ 2008 - 6/2009 - Phó Giám đốc- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai
- Từ 7/2009-10/2009 - Giám đốc - Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Đức Long Gia Lai
- Từ 10/2009 –9/2014 - Cán bộ phòng Kế hoạch điều độ – Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai
- Từ 9/2014 - 5/2016 - Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai
- Từ 5/2016 – nay - Phó Giám đốc- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai

❖ Ông Phạm Tiến Dũng: Phó Giám đốc. Tỷ lệ sở hữu 0,003% cổ phần có quyền biểu quyết.

Tên: Phạm Tiến Dũng
 Sinh năm : 24/03/1977

Nguyên quán: Diển Yên, Diển Châu, Nghệ An.
Cư trú: Tổ 10, P Trà Bá, TP Pleiku, Gia Lai.
Trình độ: Trung cấp kinh tế giao thông vận tải.

Quá trình công tác:

- Từ 2004-2006 - Nhân viên Bến xe Đức Long Gia Lai
- Từ 2006-2009 - Phụ trách Kế hoạch Điều độ Bến xe Đức Long
- Từ 2009 – Nay - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai.

❖ **Bà Hà Thị Phương Oanh: Kế toán trưởng. Tỷ lệ sở hữu 0,003% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Hà Thị Phương Oanh
Sinh năm: 02/12/1981
Nguyên quán: Hưng Nghĩa – Phước Nghĩa – Tuy Phước – Bình Định
Cư trú: 30/1/26 Trần Quý Cáp – Pleiku – Gia Lai
Trình độ: Cao đẳng kế toán.

Quá trình công tác:

- Từ 2004-2006 - Kế toán XNTD Đức Long
- Từ 2006 - Nay - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai.

Những thay đổi trong Ban điều hành.

❖ **Về thành viên Hội đồng quản trị**

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai diễn ra ngày 30/06/2019, Đại hội đã thống nhất:

Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị gồm:

- Ông Chu Sỹ Hoạt: Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Lý Duy Anh: Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Hồ Hoàng Đức Huy: Thành viên Hội đồng quản trị

Bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị gồm:

- Ông Đỗ Chiến Đấu: Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Minh Việt: Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Bùi Minh Đức: Thành viên Hội đồng quản trị

❖ Về thành viên Ban kiểm soát: Không thay đổi

b) Chính sách đối với người lao động

- Tính đến thời điểm 31/12/2019, số lượng lao động tại công ty là 75 người. Chính sách đóng góp cho cộng đồng và xã hội của Công ty được thể hiện thông qua các hoạt động hỗ trợ y tế cộng đồng, tạo công ăn việc làm cho người dân.

- Chính sách phát triển nguồn nhân lực: Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn phù hợp với từng vị trí, nâng cao năng lực quản lý, năng lực làm việc của nhân viên. Bên cạnh đó, công ty luôn coi trọng việc thu hút nhân tài trẻ, giỏi, phát triển nhân lực, kỹ năng chuyên môn của đội ngũ nhân viên có sẵn theo hướng chuyên nghiệp hóa, tăng hiệu suất làm việc và đáp ứng được nhu cầu công việc trong thời kỳ hội nhập hiện nay.

- Chính sách tiền lương, thưởng: Định hướng tiền lương và tiền thưởng phân phối cho người lao động luôn tương xứng với chức danh và kết quả làm việc của người lao động.

- Chính sách bảo hiểm phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần, ngoài ra có thể làm thêm giờ mới mức lương thỏa thuận, cao hơn mức bình thường nếu công việc yêu cầu nhưng vẫn đảm bảo chế độ nghỉ ngơi và làm việc theo đúng quy định của pháp luật.

- Công tác tuyển dụng năm 2019 tích cực tuyển dụng nhân viên có năng lực, kinh nghiệm để đảm nhận tốt vai trò theo tính chất cần thiết và yêu cầu công việc. Tuyển dụng nhân sự cho bộ máy của mình, xây dựng đội ngũ, đẩy mạnh nhiều hoạt động đào tạo, tập huấn nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh dự bị cho việc quản lý, điều hành các dự án mới. Về công tác nhân sự, Công ty sắp xếp một số nhân sự hiện có, động viên CBCNV đào tạo để nâng cao trình độ để có đủ khả năng đảm nhận công việc theo yêu cầu mới.

- Chính sách thưởng: Hàng tháng, Công ty tiến hành đánh giá, bình bầu thi đua xếp loại lao động A, B, C và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng 13. Ngoài ra, nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động, Công ty còn có chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn

a) Các khoản đầu tư lớn

- Công ty đang từng bước chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa công tác quản lý nhằm tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật, nguồn nhân lực, hệ thống quản lý và thị trường cho sự phát triển của Công ty trong những năm tới.

Các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn phát sinh trong năm:

Đầu tư ngắn hạn:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
Cho vay ngắn hạn cá nhân	13.385.000.000	78.920.000.000
Cho vay ngắn hạn các đối tượng khác	28.677.000.000	4.578.040.008
Tổng cộng	42.062.000.000	83.498.040.008

Đầu tư dài hạn:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
Cho vay dài hạn tổ chức		246.369.000.000
Cho vay dài hạn cá nhân		50.000.000.000
Cho vay dài hạn các đối tượng khác	517.703.516.223	11.024.000.000
Tổng cộng	517.703.516.223	307.393.000.000

Cho Công ty TNHH Đức Long Dung Quất mượn tiền theo Hợp đồng cho mượn số 01/2018/HD ngày 15/04/2018, lãi suất 9,5%/năm. Thời hạn cho mượn là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Cho Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai mượn tiền theo hợp đồng cho mượn số 118/HĐ-CT ngày 25/08/2019. Thời hạn cho mượn trong vòng 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho mượn 8,5%/năm.

Cho bà Hồ Thị Mỹ Trinh mượn tiền theo hợp đồng cho mượn số 110/HĐ-CT ngày 16/04/2019. Thời gian cho mượn trong vòng 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho mượn 7%/năm.

Cho các đối tượng khác mượn tiền theo từng hợp đồng cho mượn cụ thể, lãi suất cho mượn là 9,6%/năm. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết

Hiện tại Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku là Công ty con

+ Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80%.

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80%.

+ Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

Công ty CP Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long

+ Vốn điều lệ: 800.000.000.000 đồng.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 98,5%.

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 98,5%.

+ Tình trạng hoạt động: Thoái vốn ngày 06/04/2019 (Công ty liên kết)

4. Tình hình tài chính**a) Tình hình tài chính**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	2.385.783.938.511	1.329.091.629.736	-44,3
2	Doanh thu thuần	184.438.455.334	201.026.788.860	9,0
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	45.898.312.638	29.047.443.072	-36,7
4	Lợi nhuận khác	-22.082.546.485	-10.318.425.520	-53,3
5	Lợi nhuận trước thuế	23.815.766.153	18.729.017.552	-21,4
6	Lợi nhuận sau thuế	17.267.631.085	16.005.464.798	-7,3
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	165	157	-4,8

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	2,34	5,02	
	+ Hệ Số thanh toán nhanh: (TSLĐ- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,7	5,0	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,55	0,19	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,23	0,24	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	0,36	0,75	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,08	0,15	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,09	0,08	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,01	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,01	0,01	
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ...	0,25	0,14	

- Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tăng dần từ 2018-2019 (tăng từ 2,34 đến 5,02) như vậy 2 năm gần đây công ty đều có khả năng thanh toán nợ ngắn hạn trong kỳ kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty những năm gần đây đã có khả quan chứng tỏ DN có đủ khả năng thanh toán, tình hình tài chính mạnh, có tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh.

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh trong năm 2019 vượt trội so với năm trước đó, mặc dù công ty không dồi dào về tiền và các khoản tương đương tiền để chi trả cho các khoản nợ đến hạn trả, song điều đó lại làm tăng ưu thế về mặt sử dụng vốn, khiến dòng vốn quay vòng cho sản xuất kinh doanh tốt, tăng hiệu quả kinh doanh, chứng tỏ DN đã sử dụng tốt đòn bẩy tài chính.

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn, hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2018, tình hình chi trả nợ ngắn hạn của Công ty vẫn bình thường.

- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động, tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có những biến động tốt. Vòng quay hàng tồn kho tăng, số ngày hàng tồn kho giảm là một dấu hiệu tốt. Hàng tồn kho giảm cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản tăng. Giảm lượng hàng tồn kho (năm 2019 giảm so với năm 2018 là: 1.122 tỷ đồng). Chứng tỏ năm 2019 DN đẩy mạnh việc bán hàng thu hồi vốn và giải phóng hàng tồn kho.

- Tất cả các chỉ số tài chính đều thể tình hình tài chính lành mạnh với mức độ thanh khoản trong ngắn hạn tốt. Các chỉ số thanh toán phản ánh khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, đến hạn và đáp ứng kịp thời các khoản vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Dựa vào một số chỉ tiêu đã phân tích thì tình hình tài chính của công ty là tương đối khả quan.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần

- + Tổng số cổ phiếu niêm yết: 101.177.353 cổ phiếu
- + Loại cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông.
- + Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.011.773.530 cổ phiếu;
- + Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 31/12/2019)

Tiêu chí phân loại	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Tổng cộng số cổ đông	Tổng cộng số cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu	Cổ đông lớn (từ 5% trở lên)	4	55.852.788	55,20%	221	101.177.353
	Cổ đông nhỏ	217	45.324.565	44,80%		

Loại cổ đông sở hữu	Cổ đông tổ chức	13	23.693.897	23,42%	221	101.177.353
	Cổ đông cá nhân	208	77.483.456	76,58%		
Cổ đông khác	Cổ đông trong nước	212	100.137.793	98,97%	221	101.177.353
	Cổ đông nước ngoài	9	1.039.560	1,03%		

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Bùi Pháp	230512386	03 Trần Quang Khải, TP. Pleiku, Gia Lai	2.4294.888	24,012%
Công ty TNHH Global Capital	0314753565	258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P8, Q3, TPHCM	20.002.300	19,770%
Nguyễn Thị Diễm	231129609	64 Phạm Ngũ Lão, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Gia Lai	6.027.800	5,958%
Phạm Thị Hiền	230936222	136 Lý Nam Đế, TP Pleiku, Gia Lai	5.527.800	5,463%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 27/05/2019)

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không**

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không**

e) **Các chứng khoán khác: Không**

6. **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.**

a) **Quản lý nguồn nguyên vật liệu được sử dụng**

Hiện nay, hoạt động kinh doanh của Công ty chưa cần quản lý những nguồn nguyên vật liệu đầu vào vì chủ yếu các hoạt động chỉ liên quan đến việc cho thuê kho bãi. Việc quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào sẽ chỉ liên quan đến nâng cấp công trình xây dựng hay đầu tư cho dự án. Tuy nhiên, doanh nghiệp kiểm soát rất tốt về mặt quy trình xây dựng các dự án, tránh gây thất thoát nguyên liệu gây tổn thất cho Công ty. Công ty thực hiện đúng các quy trình về quản lý kho, xuất nhập tồn thành phẩm, nguyên liệu.

b) **Tiêu thụ năng lượng**

Công ty luôn quan tâm đến việc tiêu thụ năng lượng. Các nhiên liệu như xăng, dầu diesel, dầu nhớt, điện là những nhiên liệu được sử dụng phổ biến trong sinh hoạt và kinh doanh của doanh nghiệp. Việc tiêu thụ năng lượng của doanh nghiệp hiện tại đang được kiểm soát thông qua các chỉ số định mức và dựa trên mức độ đánh giá.

c) Tiêu thụ nước

Công ty luôn chú trọng đến lượng nước cũng như nguồn nước sử dụng. Lượng nước được định mức hóa tránh gây lãng phí thiệt hại cho doanh nghiệp như:

- Tối ưu hóa quy trình vệ sinh thiết bị bên bãi;
- Nhắc nhở việc tắt mở, sử dụng đúng mục đích và tiết kiệm nước;

d) Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường.

Công ty tuân thủ, không vi phạm các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường. Đồng thời, Công ty luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan, đánh giá sự ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của Cán bộ công nhân viên, Công ty tổ chức các buổi tuyên truyền và đưa vào các chương trình đào tạo, diễn tập ứng phó với rủi ro như hỏa hoạn.

e) Chính sách liên quan đến người lao động.

- Tính tới thời điểm cuối năm 2019, tổng số nhân sự làm việc tại Công ty là 75 người. Trong đó, HĐQT là 4 người, Ban Giám đốc là 3 người, Ban kiểm soát là 3 người, cùng nhiều cán bộ quản lý khác đảm bảo khả năng quản lý, điều hành và vận hành Công ty.

- Toàn Công ty đảm bảo cho người lao động mức thu nhập tương xứng với năng lực và cạnh tranh so với thị trường. Lương thưởng được áp dụng linh hoạt nhằm khuyến khích các CBCNV nỗ lực hoàn thành tốt công việc.

- Các khoản phụ cấp như: Phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp ca đêm,... được cộng thêm vào thu nhập hàng tháng, đảm bảo quyền lợi giúp người lao động yên tâm làm việc. Công ty áp dụng chính sách khen thưởng hàng năm như tháng lương thứ 13, xếp hạng khen thưởng cuối năm ABC, các dịp lễ tết, và cá nhân có thành tích xuất sắc... Chính sách này được áp dụng công bằng và xứng đáng cho CBCNV.

- Đời sống của người lao động được cải thiện đáng kể, thu nhập người lao động năm sau cao hơn năm trước, điều kiện làm việc của cán bộ công nhân viên được quan tâm, đảm bảo, chế độ phúc lợi được nâng cao.

Chính sách khen thưởng: Công ty luôn xem xét, đánh giá mức độ hiệu quả của từng nhân sự sau đó phân loại, sắp xếp công việc phù hợp. Mục đích đánh giá là để khen thưởng cho khả năng làm việc người lao động vào cuối năm.

f) Chính sách liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty hiện đang cung cấp một số lượng công việc cho thị trường nhằm đảm bảo việc làm cho người lao động. Công ty cũng tạo dựng môi trường làm việc năng động, các chính sách phúc lợi đầy đủ nhằm khẳng định năng lực người lao động và đào tạo để nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả, các cán bộ công nhân viên càng có năng lực hơn, có chuyên môn hơn mang lại giá trị cho công ty để từ đó đạt được mức thu nhập cao hơn cho bản thân. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng phát triển vững mạnh hơn, mang lại nhiều lợi nhuận hơn, thu hút vốn hơn và mang thương hiệu doanh nghiệp đầy mạnh. Ngoài các hoạt động kinh doanh, công ty còn tổ chức các hoạt động tình nguyện, các hoạt động xã hội, hoạt động nhân đạo, gây quỹ nhằm giúp cho địa phương ngày một tốt hơn. Hơn nữa, công ty còn hỗ trợ, tham gia trong các chương trình tài trợ phát triển địa phương, tham gia phòng chống tệ nạn, phát triển an ninh đô thị.

g) Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban chứng khoán nhà nước: Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp hàng hóa dịch vụ	184.438.455.334	201.026.788.860
2	Các khoản giảm trừ		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	184.438.455.334	201.026.788.860
4	Giá vốn hàng bán	174.239.178.264	194.036.663.359
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.199.277.070	6.990.125.501
6	Doanh thu hoạt động tài chính	62.943.319.689	56.578.775.390
7	Chi phí tài chính	16.954.494.622	20.598.197.851
8	Chi phí bán hàng	1.248.812.652	1.168.153.123
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.040.976.847	12.752.665.991
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	45.898.312.638	29.047.443.072
11	Thu nhập khác	1.626.202.384	90.000.000

12	Chi phí khác	23.708.748.869	10.408.425.520
13	Lợi nhuận khác	(22.082.546.485)	(10.318.425.520)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.815.766.153	18.729.017.552
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.548.135.068	2.723.552.754
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	17.267.631.085	16.005.464.798

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty)

Trong năm qua, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã không ngừng cố gắng, nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Kết quả kinh doanh đạt được trong năm qua dựa trên một số yếu tố thuận lợi và khó khăn như sau.

a) Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ, định hướng phát triển từ, Sở Giao thông vận tải và Chính quyền địa phương. Hội đồng Quản trị, Ban điều hành luôn sâu sát, nắm chắc tình hình, chỉ đạo kịp thời những vấn đề quan trọng; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ. Với sự nỗ lực, quyết tâm cao của tất cả cán bộ công nhân viên Công ty đã cố gắng thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

b) Khó khăn:

- Cơ sở vật chất tại công ty chưa phát triển đồng bộ, tiến độ dự án đầu tư, nâng cấp còn gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai, dẫn đến chưa thể nâng cấp được cơ sở vật chất tại đây, vì vậy hình ảnh về cơ sở vật chất chưa thật sự hấp dẫn khách hàng, điều này cũng đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh công ty.

- Sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp có chung ngành nghề sản xuất kinh doanh và đầu tư.

- Tác động của các yếu tố thuận lợi và khó khăn đã tác động không nhỏ đến quá trình điều hành công ty, nhưng với sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tập trung khai thác các lợi thế của công ty, quyết tâm đổi mới, đầu tư chiều sâu, tận dụng những thuận lợi của nền kinh tế, biến những thách thức thành cơ hội phát triển và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

c) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

- Trong năm 2019 Ban giám đốc đã tập trung trong việc chỉ đạo bám sát vào nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để tổ chức triển khai các giải pháp quản lý thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Trong năm vẫn còn nhiều khó khăn do khách quan của nền kinh tế nhưng công ty đã thực hiện được những mục tiêu chiến lược đề ra đảm bảo người lao

động có công ăn việc làm ổn định, đời sống được nâng lên, nội bộ công ty luôn giữ tinh thần đoàn kết, gắn bó giúp đỡ nhau trong công tác.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	0,84	1,15
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	74,07	41,97
- Hiệu suất sử dụng TSCĐ	Lần	9,58	12,31
2. Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	55,15	19,21
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	44,85	80,79
3. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,7	5,0
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,3	5,0
4. Tỷ suất lợi nhuận			
- LNTT/Tổng tài sản	%	1,0	1,4
- LNST/Doanh thu thuần	%	9,4	8,0
- LNST/Vốn chủ sở hữu	%	1,6	1,5

- Các hệ số về khả năng thanh toán đều tăng, chứng tỏ công ty cũng đã quan tâm đến khả năng thanh toán của mình, trong đó chỉ tiêu về khả năng thanh toán nhanh tăng 5,0, khả năng thanh toán hiện hành tăng 5,0 cho thấy công ty đảm bảo khả năng thanh toán trong ngắn hạn.

- Năm 2018 Tổng tài sản Công ty là 2.385 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 1.767 tỷ đồng. Năm 2019 Tổng tài sản Công ty đang quản lý và sử dụng giảm còn 1.329 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 557 tỷ, tài sản dài hạn 771 tỷ đồng. Điều đó cho thấy quy mô về vốn của DN giảm đi.

- Doanh nghiệp tích cực thu hồi các khoản nợ phải thu, giảm bớt hiện tượng ứ đọng vốn trong khâu thanh toán, hạn chế việc để chiếm dụng vốn. Số vòng quay các khoản phải thu cải thiện hơn so với năm 2018 cho thấy công ty đã có chính sách thu hồi tránh bị chiếm dụng vốn nhiều.

- Công ty chủ yếu sử dụng nợ ngắn hạn để phục vụ hoạt động kinh doanh. Từ năm 2019, công ty sử dụng nợ dài hạn cho mục tiêu đầu tư xây dựng. Việc gia tăng các khoản vay ngắn hạn để dành nguồn vốn tự có cho đầu tư các dự án đã làm tăng chi phí lãi vay.

b) Tình hình nợ phải trả

Các chỉ tiêu kế hoạch đã thực hiện

Với những công việc đã thực hiện trên, kết quả SXKD của Công ty năm 2019 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	SO SÁNH		
					Thực hiện 2018	Với kế hoạch 2019	Với năm 2018
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	200.000	201.000	184.438	100,50	108,98
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20.000	18.729	23.815	93,65	78,64
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16.000	16.005	17.267	100,03	92,69
4	Lợi ích của cổ đông	Đồng					

Đánh giá kết quả đạt được:

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai trong giai đoạn 2018-2019, kết quả doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 tăng 201.026 tỷ đồng so với năm 2018 là 184.438 tỷ đồng cho thấy công ty đã có bước triển tốt hơn năm trước. Năm 2019, do thị trường kinh tế ngày càng khó khăn nên Công ty đã cho giãn nợ, lùi thời gian thanh toán tiền hàng ,vì vậy, chi phí tài chính trong năm 2019 tăng lên 20.598 tỷ đồng (tăng 21,5%). Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2019 nhìn chung chỉ vừa đạt kế hoạch đề ra về doanh thu còn lợi nhuận thì chưa đạt kế hoạch. Kết quả đó do một số nguyên nhân sau: tỷ lệ cạnh tranh cao khiến Công ty phải hạ giá thành sản phẩm nguồn hàng hóa cung cấp cho khách hàng, các sản phẩm đá granit và phân bón NPK các loại, các khoản thuế phí tăng cao....

Chi tiết cơ cấu doanh thu năm 2019 như sau:

STT	Sản Phẩm	Giá trị	Tỷ lệ/DT
I	Doanh thu	201.026.788.860	100%
1.	Dịch vụ qua bến	12.493.639.957	6,2%
2.	Dịch vụ vận chuyển	6.079.141.903	3,0%
3.	Bán đá	101.494.732.000	50,5%
4.	Bán phân bón	80.959.275.000	40,3%

Về cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm, lĩnh vực Đá xây dựng vẫn là mảng kinh doanh cốt lõi khi doanh thu chiếm đến 50,5% trên tổng doanh thu, tiếp theo là ngành phân bón chiếm 40,3%, dịch vụ qua bến bãi chiếm 6,2%, dịch vụ vận chuyển chiếm 3,0%.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a) Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý:

Công tác hành chính:

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành. Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp, quán triệt, tuyên truyền sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của công ty đến toàn thể người lao động và các đối tác.

Công tác pháp chế:

Toàn bộ tổ chức hoạt động của Công ty, cập nhật, hoàn thiện, điều chỉnh, cải tiến các quy chế, quy định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư trong từng thời kỳ.

b) Các biện pháp kiểm soát

Công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh; xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển mạnh toàn diện trong tất cả các lĩnh vực.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a) Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh năm 2019

- Công ty tiếp tục duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, bám sát thực hiện thành công những định hướng của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2019 và 2020. Bên cạnh đó, Công ty sẽ quyết liệt trong việc đẩy nhanh tiến độ công việc. Đồng thời, chú trọng đến công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng

dịch vụ là yếu tố tiên quyết. Bên cạnh lượng khách hàng hiện có, Công ty sẽ thực hiện quảng bá rộng rãi để phát triển thêm khách hàng tiềm năng. Áp dụng Công nghệ thông tin vào công tác điều hành nhằm giảm thiểu rủi ro và phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Tiếp tục quyết liệt thực hiện công tác tái cơ cấu, sắp xếp lại Doanh nghiệp một cách tinh gọn, hiệu quả, đánh giá và đãi ngộ xứng đáng cho những người làm việc hiệu quả, có nhiều đóng góp đi đôi với chính sách đào tạo, đào tạo lại đội ngũ hiện có nhằm thu hút nguồn lực có chất lượng.

b) Kế hoạch đầu tư

Về thị trường: Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu và thương hiệu của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác để tiếp cận thị trường rộng lớn hơn.

Về đầu tư: Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

Công tác quản trị tài chính kế toán:

- Công tác hạch toán kế toán đầy đủ, kịp thời và hiệu quả tuân thủ theo các quy định về hạch toán hiện hành, đảm bảo cân đối được nguồn vốn để triển khai được các dự án của Công ty và cũng để thực hiện thành công chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Nhà nước để nắm bắt kịp thời cơ chế chính sách của Nhà nước đối với hoạt động của Công ty, các định chế tài chính và khách hàng để tư vấn, đem lại hiệu quả cao cho Công ty, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông cũng như khách hàng. Thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.

Công tác đầu tư:

Tập trung nghiên cứu và thực hiện các dự án bên xe mang thương hiệu bên xe Đức Long Gia Lai rộng ra khắp cả nước, nghiên cứu kỹ phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn để phù hợp với thực tế và thị trường nhằm đạt hiệu quả cao. Trong năm 2019-2020 tập trung vào:

- Mở rộng được ngành nghề kinh doanh, nâng cao được vị thế và năng lực tài chính, gia tăng được doanh thu, lợi nhuận và tăng lợi ích của cổ đông. Diện tích mở rộng Bên xe Đức Long Gia Lai theo chủ trương xã hội hóa đầu tư và khai thác Bên xe khách của Thủ tướng Chính phủ.

- Để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển giao thông vận tải của địa phương, phù hợp với quy hoạch đã được Bộ GTVT phê duyệt, Công ty xin chuyển 20.904,5 m²

diện tích tại đường Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Thành phố Pleiku cách trung tâm thành phố Pleiku 02 km. Để mở rộng Bến xe khách Đức Long Gia Lai nhằm tăng diện tích đậu đỗ cho xe khách và các hạng mục công trình công cộng khác của Bến xe khách đã bị quá tải. Qua quá trình xem xét, lấy ý kiến tham mưu của các sở ban ngành, Công ty đã được UBND tỉnh Gia Lai đã chấp thuận chủ trương mở rộng Bến xe khách Đức Long Gia Lai.

- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã nhanh chóng triển khai, đưa vào khai thác, sử dụng toàn bộ diện tích đất mở rộng Bến xe khách để phục vụ kịp thời cho hoạt động và nhu cầu đi lại của Bến xe khách Đức Long Gia Lai.

- Quy hoạch khu đất đầu tư và xây dựng thành một dự án tổng thể, chất lượng cao. Phân thành hai khu riêng biệt, chức năng khác nhau có kiến trúc đẹp, hiện đại đạt tiêu chuẩn bãi đỗ xe khách và một phần bãi đỗ xe tải được bố trí phù hợp với dự án tổng thể.

- Mục đích của việc mở rộng Bến xe khách Đức Long Gia Lai là góp phần với Nhà nước tạo nên một dịch vụ vận tải hiện đại đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của Nhân dân thành phố Pleiku tỉnh Gia Lai.

- Đến năm 2020, Thành phố Pleiku đạt loại I trong đó có tiêu chí xe buýt phục vụ nội đô và khu công nghiệp, doanh nghiệp phải đầu tư 30 xe, đề nghị được ưu đãi bãi đậu đỗ tại bến xe và bãi xe thành phố phục vụ khách đi các tuyến. Tuy không được ưu đãi kể cả sau đầu tư, doanh nghiệp vẫn phấn đấu phục vụ tốt bảo đảm an toàn, phục vụ nhiều triệu lượt người từ năm 2006 đến những trung tâm huyện về Pleiku.

Về tài chính: Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a) Đối với môi trường

- Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng phát triển, các đối tác và người tiêu dùng bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên của các doanh nghiệp cũng đang dần bị người tiêu dùng lên án. Mặt khác, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp dẫn đến giá tài nguyên tăng cao, hiệu quả công việc thấp hơn trong những khu vực bị ô nhiễm đã và đang ảnh hưởng sát sườn đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp nói chung và DLI nói riêng buộc phải quan tâm tới các khía cạnh môi trường, hiệu quả sinh thái và năng lượng của từng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Muốn làm được vậy, Ban lãnh đạo doanh nghiệp luôn chú trọng nâng cao nhận thức của toàn thể doanh nghiệp về vấn đề này. Đồng thời xây dựng và chuyển đổi qua hệ thống quản lý với

kế hoạch hành động xanh, tạo lập cơ sở vững chắc đảm bảo yếu tố môi trường, tính hiệu quả về sinh thái và sử dụng năng lượng, hạn chế phát thải nhà kính.

b) Đối với cộng đồng và xã hội

- Tiếp tục phát huy và quan tâm đến giá trị cốt lõi của Doanh nghiệp, Công ty đã cố gắng hoàn thành tốt trách nhiệm đối với cộng đồng và môi trường.

- Con người là giá trị cốt lõi của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên có môi trường làm việc thoải mái, được cống hiến và học hỏi, sáng tạo. Đi kèm với đó, chính sách lương thưởng và phúc lợi luôn được Công ty đảm bảo.

- Duy trì các hoạt động đóng góp vì cộng đồng. Thăm hỏi giúp đỡ các hoàn cảnh gia đình khó khăn, bất hạnh trên địa bàn. Hỗ trợ học bổng, quà, động viên các em học sinh nghèo, vượt khó.

- Giữ vững an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường tại khu vực bến xe.

c) Đánh giá liên quan đến con người lao động

Với sứ mệnh “**Nâng tầm cao mới, vững tiến xa hơn**” Công ty luôn quan tâm đến vấn đề nguồn nhân lực hàng đầu. Có một nguồn nhân sự tốt mới có thể vận hành bộ máy của Công ty một cách trơn tru và hoàn thành các kế hoạch, mục tiêu đề ra. Công ty luôn đồng hành cùng sự phát triển bền vững, tích cực tham gia vào các chương trình, phong trào bảo vệ môi trường tại địa phương. Đồng thời tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với từng công nhân viên tại Công ty để xây dựng một môi trường sống và làm việc “xanh, sạch, đẹp”.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Thực hiện các quyền nghĩa và vụ của Hội đồng quản trị theo Pháp luật và Điều lệ công ty. Chấp hành đầy đủ mọi quy định yêu cầu về quản trị công ty và công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các cơ quan chức năng khác.

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát đầy đủ hoạt động của Ban Giám đốc trong công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch SXKD hàng năm để đảm bảo các quyết định về hoạt động công ty tuân thủ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như quy định pháp luật.

- Hội đồng quản trị đã nghiêm túc xem xét từng vấn đề và yêu cầu ban điều hành phải chủ động tích cực mở rộng quan hệ tìm kiếm thị trường, xây dựng các biện pháp quản lý phù hợp với mô hình kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ các khoản mục chi phí nâng cao trách nhiệm và khả năng quản lý hiệu quả và an toàn sản xuất.

a) Công tác đầu tư:

Hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đang sở hữu và 80% cổ phần Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku, giúp mở rộng được ngành nghề, nâng cao được vị thế và năng lực tài chính, gia tăng được doanh thu, lợi nhuận và tăng lợi ích của cổ đông. Tinh gọn lại các lĩnh vực và ngành nghề kém hiệu quả để thúc đẩy chỉ số tăng trưởng.

b) Công tác khác:

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật bến bãi khang trang, hiện đại theo hướng kết hợp giữa khai thác bến xe với khai thác thương mại dịch vụ. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ hành khách và các doanh nghiệp vận tải; xây dựng thái độ tác phong ứng xử chuẩn mực của CBCNV. Thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

- Công ty đã xây dựng quy chế về tổ chức điều hành, thu chi tài chính minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhằm tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của công ty. Thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thường xuyên quan tâm đến công tác tuyên truyền, huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ để nâng cao nhận thức cho người lao động về công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

c) Công tác tài chính

- Công tác quản lý Tài chính của Công ty từng bước được cải tiến để đảm bảo tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban kiểm soát. Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh đạt hiệu quả.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

- Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty thì Hội đồng Quản trị có chức năng giám sát Giám đốc và cán bộ quản lý khác, cụ thể như sau:

- Giám sát việc triển khai thực hiện và việc tuân thủ pháp luật, thời gian, hiệu quả đối với các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị giao Ban Giám đốc và các bộ phận triển khai thực hiện.

- Trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị có yêu cầu Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng báo cáo và giải thích thêm những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty.

- Nhìn chung Hội đồng Quản trị giám sát chặt chẽ hoạt động đối với Giám đốc và các chức danh quản lý trong Công ty. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng

Quản trị được Giám đốc triển khai đúng tiến độ, trình tự, thủ tục mang lại hiệu quả cho công ty.

a) Hoạt động giám sát

- Trong năm 2019, HĐQT đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát, qua các cuộc họp định kỳ hàng quý và tổ chức họp đột xuất trong các trường hợp cần giải quyết công việc khẩn cấp. Ban Giám đốc định kỳ báo cáo HĐQT hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐQT, các khó khăn và thuận lợi trong điều hành. Từ đó HĐQT phối hợp với Ban Giám đốc đề ra các giải pháp tháo gỡ, khắc phục khó khăn, nỗ lực đạt kế hoạch đã đề ra.

- Công tác điều hành được phân công cụ thể và chỉ đạo quyết liệt, bám sát phương hướng và kế hoạch hoạt động theo Đại hội đồng cổ đông năm 2019, và định hướng của Hội đồng quản trị. Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát.

b) Kết quả hoạt động giám sát

Nhìn chung, Ban Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; trong quá trình tác nghiệp, chưa phát hiện các vi phạm Điều lệ Công ty, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

c) Về công tác quản trị:

- Thay đổi phương pháp quản trị, tổ chức bộ máy, sắp xếp lại các đơn vị trong Công ty, giảm đầu mối trung gian để tận dụng được các ưu đãi về đầu tư, xuyên suốt trong điều hành và tập trung nguồn lực.

- Kiện toàn, nâng cao hiệu quả của bộ máy quản trị. Phát huy tính tự giác, sự chủ động, sáng tạo, vai trò cá nhân và sự tự chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý,... tạo sự ổn định và phát triển bền vững cho Công ty.

d) Về năng suất lao động, điều hành, tổ chức sản xuất

Thường xuyên rà soát, tổ chức lại các quy trình sản xuất, sắp xếp lại nhân lực phù hợp công việc. Nâng cao năng suất lao động bằng các phương pháp cải tiến kỹ thuật, khuyến khích người lao động phát huy các hợp lý hóa, sáng kiến trong lao động, sản xuất.

e) Về nguồn nhân lực

Thực hiện tốt việc đánh giá năng lực, hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ, nhân viên nghiệp vụ và đội ngũ lao động trực tiếp để có chế độ lương, thưởng phù hợp với năng lực của từng cá nhân, hoặc bố trí, luân chuyển lao động hợp lý. Thường xuyên sàng lọc, phân loại, sắp xếp và có các chương trình đào tạo chuyên sâu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bản chi tiết công việc cho từng cá nhân.

f) Công tác tài chính

Được thực hiện nghiêm túc. Các Báo cáo tài chính được lập đúng thời hạn, được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập có đủ điều kiện được UBCK Nhà Nước công nhận nhằm đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng, chính xác.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2020.

- Bước vào năm 2020, tình hình thế giới năm 2020 dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, tốc độ phát triển kinh tế phục hồi chậm, không đồng đều, nhiều chính sách thiếu ổn định, khu vực doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn và còn rủi ro. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi, nền kinh tế vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp.

- Những tháng đầu năm 2020, nền kinh tế toàn cầu đang bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus corona (Covid-19) gây ra. Trong đó, Trung Quốc nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới, đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng, ít nhất trong nửa năm đầu 2020. Các chuyên gia đã đưa ra dự đoán bệnh bùng phát sẽ hạ tăng trưởng kinh tế toàn cầu xuống 0,2-0,3% . Tuy nhiên với tình hình dịch bệnh tiếp tục bùng phát tại các quốc gia như Hàn Quốc, Italia, Mỹ... như hiện nay, vẫn còn quá sớm để đánh giá về các hệ quả của dịch bệnh viêm phổi Covid -19 đối với nền kinh tế toàn cầu.

- Kinh tế Việt Nam bước vào năm 2020 với một nền tảng vững chắc nhưng dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus corona có thể là yếu tố bất lợi. Tháng 11/2019, Quốc hội đã ban hành nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, theo đó tăng trưởng GDP đạt 6,8%, CPI bình quân dưới 4%. Tuy nhiên, theo tính toán sơ bộ bước đầu của bộ kế hoạch và đầu tư, tăng trưởng kinh tế cả năm 2020 còn phụ thuộc vào diễn biến tiếp theo và khả năng khống chế dịch Covid-19. Do vậy kinh tế Việt Nam có thể giảm 0,5% đến gần 1% so với mục tiêu đề ra.

- Dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (COVID-19) gây ra, đã tác động rất lớn đến các khía cạnh của đời sống kinh tế, xã hội, làm gián đoạn chuỗi cung ứng nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, đình trệ hoạt động sản xuất kinh doanh. Một số doanh nghiệp phải thu hẹp hoạt động

- Công ty CP Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai luôn chỉ đạo quyết liệt Ban Giám đốc bằng những hành động cụ thể, tập trung thật tốt công tác quản lý và triển khai các hoạt động dịch vụ, mở rộng kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng cao nhất doanh thu và lợi nhuận, đáp ứng nhiều hơn nữa niềm kỳ vọng mà cổ đông tin tưởng, giao phó với các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ trọng tâm.

Định hướng các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022
1	Doanh thu	Tỷ đồng	200	225	250
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	20	25	30

a) Các mục tiêu phấn đấu

Về dịch vụ thương mại: Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bám sát thực hiện thành công những định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và năm 2020. Quản lý vốn đầu tư theo hướng trách nhiệm hiệu quả, luôn đảm bảo dòng tiền ổn định cho hoạt động kinh doanh, tập trung thực hành tiết kiệm chống lãng phí, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.

Về An toàn lao động - Phòng chống cháy nổ: Thực hiện định kỳ, thường xuyên công tác đào tạo, tập huấn về ATLĐ và PCCC cho cán bộ, công nhân viên trong toàn hệ thống của Công ty. Kiện toàn hệ thống trang thiết bị PCCC, đảm bảo vận hành tốt, ổn định. Các giải pháp chủ yếu của HĐQT để chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

b) Định hướng phát triển các ngành nghề như sau:

Để thực hiện và hoàn thành những chỉ tiêu cơ bản năm 2020, Hội đồng quản trị đưa ra định hướng hoạt động và giám sát cụ thể: Không ngừng nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của HĐQT, ban giám đốc trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty, đảm bảo điều kiện phát huy tối đa năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý điều hành.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1.	Ông Nguyễn Tường Cột	Chủ tịch	965.70	0.954%	
2.	Ông Nguyễn Tuyển	Ủy viên	0	0	
3.	Ông Đỗ Chiến Đấu	Ủy viên	44.918	0,04%	
4.	Ông Bùi Minh Đức	Ủy viên	0	0	
5.	Ông Phạm Minh Việt	Ủy viên	0	0	

- HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức bộ máy, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ quản lý thông qua các cuộc họp phân công và các đợt kiểm tra, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành làm thước đo để đánh giá, bổ nhiệm, điều động CBCNV vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Nhìn chung các cán bộ quản lý đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, tận tụy, sự cẩn trọng trong công việc và đã tham mưu cho Ban điều hành kịp thời, hiệu quả. Thực hiện đúng và đầy đủ công tác kiểm toán định kỳ hằng năm.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu cho HĐQT.

- Ngoài các cuộc họp theo định kỳ, Chủ tịch HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp hội ý thường trực HĐQT với ban Giám Đốc, đồng thời liên tục trao đổi, thống nhất chủ trương giữa các thành viên HĐQT.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 được Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 bầu ra gồm 05 thành viên, gồm các Ông:

Ông Nguyễn Tường Cột,

Ông Nguyễn Tuyển,

Ông Đỗ Chiến Đấu

Ông Bùi Minh Đức,

Ông Phạm Minh Việt

- Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức hoạt động đúng Quy chế quản trị, Điều lệ Công ty; theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, luôn đảm bảo sự đồng thuận trong nội bộ, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, liên tục điều chỉnh đối sách phù hợp với tình hình thực tế. Nhìn chung, các cuộc

họp của HĐQT đã được tổ chức một cách chu đáo, đúng luật, đạt được sự nhất trí cao.

- Việc công bố thông tin theo quy định cũng đã được HĐQT đơn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo đúng hạn, chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, các thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên không nhận thù lao.

Các cuộc họp và kết luận của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2019, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

- Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức nhiều cuộc họp HĐQT, qua đó HĐQT đã ban hành được 01 Nghị quyết và 09 Quyết định để thực hiện các nội dung thông qua tại các cuộc họp.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01A/NQ-HĐQT-DL1	31/01/2019	Nghị quyết về việc đánh giá tình hình thực hiện SXKD quý IV/2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2019
2	01/NQ-HĐQT-DL1	31/01/2019	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các Doanh nghiệp và người có liên quan.
3	01/QĐ-HĐQT-DL1	28/03/2019	Quyết định về việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.
4	02/QĐ-HĐQT-DL1	06/04/2019	Quyết định về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty CP ĐTXD Vạn Gia Long
5	02B/QĐ-HĐQT-DL1	20/04/2019	Quyết định về việc đánh giá tình hình thực hiện SXKD quý I/2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong quý II/2019.
6	03/QĐ-	06/05/2019	Quyết định về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ và ngày tổ chức ĐHĐCĐ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
	HDQT- DL1		thường niên năm 2019.
7	04/QĐ- HDQT- DL1	27/05/2019	Quyết định về việc thống nhất ngày tổ chức ĐHĐCĐ và bàn về các nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
8	05/QĐ- HDQT- DL1	11/06/2019	Quyết định về việc thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của cty CPĐTPTDV CTCC Đức Long Gia Lai
9	06/QĐ- HDQT-DL1	01/07/2019	Quyết định về việc phân công nhiệm vụ Thành viên HDQT nhiệm kỳ 2018-2023.
10	07/QĐ- HDQT-DL1	18/07/2019	Quyết định về việc đánh giá tình hình thực hiện SXKD Quý II/2019 và kế hoạch SXKD Quý III/2019.
11	08/QĐ- HDQT-DL1	21/10/2019	Quyết định về việc đánh giá tình hình thực hiện SXKD Quý III/2019 và kế hoạch SXKD Quý IV/2019.

- Ngoài các cuộc họp, Chủ tịch HDQT đã có những buổi hội ý, thảo luận giữa HDQT với Ban Giám đốc và trao đổi, giữa các thành viên HDQT với Ban điều hành để thống nhất biện pháp triển khai thực hiện các chủ trương của Đại hội cổ đông và HDQT.

- Biên bản các cuộc họp HDQT được lập đảm bảo đúng thể thức theo quy định của pháp luật, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên HDQT dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo quy định của Điều lệ. Do vậy, các nội dung được HDQT thông qua luôn được sự nhất trí và đồng thuận cao, tạo điều kiện rất thuận lợi trong việc đưa các Nghị quyết của HDQT vào thực tế sản xuất kinh doanh của đơn vị.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

HDQT đã phân công Ông Nguyễn Tuyền thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách các hoạt động nhân sự và lương thưởng theo quy định. Theo dõi công tác truyền thông, phát triển thương hiệu. Thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HDQT.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Võ Sỹ Việt	Trưởng ban	0	0%	
2	Trần Thị Kim Cúc	Thành viên	2.555	0,003%	
3	Vũ Văn Nghĩa	Thành viên	0	0%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát.

- Năm 2019, Ban kiểm soát đã duy trì nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ tài liệu, chứng từ của công ty.
- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư XDCB, kế hoạch lao động tiền lương.
- Kiểm soát việc Công bố thông tin theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các quy định của Pháp luật.
- Kiểm soát báo cáo tài chính của Công ty, xem xét tính minh bạch của quá trình luân chuyển chứng từ.
- Kiểm tra giám sát các thủ tục, trình tự công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động điều hành của HĐQT đã tuân thủ theo đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty.
- Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT tham dự. Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2020 và công tác xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với mô hình sản xuất "Công ty cổ phần". Tài liệu được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo thông báo mời họp.
- Những cuộc họp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế, phù hợp với Điều lệ Công ty.
- Sau cuộc họp, HĐQT đã thông qua các quyết định phù hợp với tình hình SXKD của Công ty và nằm trong thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
- Ban Giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT, Ban Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban Giám đốc đã duy trì thường xuyên họp giao ban. Thành phần tham dự họp đầy đủ, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý, những khó khăn, vướng mắc được đưa ra các biện pháp giải quyết ngay trong cuộc họp. Mỗi cuộc họp đều được thư ký ghi chép đầy

đủ nội dung các ý kiến chỉ đạo tổng hợp thông báo xuống các đơn vị sản xuất và phòng ban biết để thực hiện.

- Trong năm 2019 Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban kiểm soát nhằm đánh giá, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Để các hoạt động của Công ty được hoạt động minh bạch theo đúng quy định trong Điều lệ, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và vì lợi ích của các cổ đông trong Công ty.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Họp quý IV và tổng kết năm 2018. Kế hoạch quý I năm 2019.	15/02/2019	- Đánh giá kết quả thực hiện kiểm soát năm 2018.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%
2	Kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong BKS	15/04/2019	- Đề ra kế hoạch làm việc của BKS năm 2019 - Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong ban.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%
3	Họp 6 tháng đầu năm 2019.	10/7/2019	- Đánh giá kết quả thực hiện kiểm soát 6 tháng đầu năm. - Xây dựng kế hoạch công việc 6 tháng cuối năm 2019	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%
4	Họp quý 4 và tổng kết năm 2019. Kế hoạch nhiệm vụ năm 2020.	31/12/2019	- Đánh giá thực hiện nhiệm vụ quý IV năm 2019. - Tổng kết năm 2019 và kế hoạch nhiệm vụ của năm 2020	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100%

c) Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và tham gia các cuộc họp của HĐQT.

- Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Các báo cáo của Ban kiểm soát đều được gửi đến HĐQT và Ban Giám đốc Công ty, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng do Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

• Mức thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 8.000.000 đồng/tháng.
- Các thành viên Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/tháng.
- Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty và các công ty thành viên trực thuộc sẽ không nhận thù lao.

• Mức thù lao của thành viên Ban kiểm soát

- Trưởng ban kiểm soát: 6.000.000 đồng/tháng.
- Các thành viên Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/tháng.
- Trường hợp thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm công việc tại Công ty và các công ty thành viên trực thuộc sẽ không nhận thù lao.

• Ngoài khoản thù lao cố định như trên, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên HĐQT, ban kiểm soát sẽ được thưởng:

- 2% (một phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm.
- 5% (năm phần trăm) tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

b) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

- Công ty luôn chấp hành pháp luật về quản trị công ty. Để thực hiện hiệu quả trong hoạt động của công ty trong tương lai, Công ty cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai tập trung thực hiện các kế hoạch như sau: Nâng cao năng lực quản trị điều hành của Ban lãnh đạo, kiện toàn đội ngũ nhân sự, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự có đủ năng lực chuyên môn và đạo đức lối sống để thực hiện tốt các công việc của Công ty, tăng cường giám sát hoạt động của các phòng ban chuyên môn, thực hiện tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi phí không cần thiết để mang lại hiệu quả cao trong công tác sử dụng và nâng cao hiệu quả vốn.

- Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất, theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng quản trị.

KẾT LUẬN

Năm 2019 vừa qua, với những biến động của nền kinh tế; các cơ chế, chủ trương đầu tư cơ sở hạ tầng ngành giao thông của Chính phủ; sự cạnh tranh gay gắt của các loại hình vận tải cùng với việc thị trường giá nhiên liệu liên tục được điều chỉnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động ngành dịch vụ vận tải. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai đã cùng chung sức, phát huy thế mạnh, vượt qua khó khăn, đạt được những kết quả đáng ghi nhận như đã được trình bày trong báo cáo.

Nhìn lại một năm đã qua, những bài học được đúc kết kinh nghiệm cho con đường phát triển của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai, HĐQT và Ban Lãnh đạo cùng Tập thể CBCNV nhận thấy còn rất nhiều công việc phải làm trong năm 2020 cũng như các năm tới. Tập thể Công ty với một tinh thần đoàn kết, cùng nhau quyết tâm hoàn thành xuất sắc kế hoạch giai đoạn 2018-2023 để hiện thực hoá tầm nhìn: “DL1 trở thành doanh nghiệp phát triển bền vững và đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư để huy động tốt nhất các nguồn lực từ bên ngoài”.

Ngoài lĩnh vực kinh doanh bến xe, bãi đỗ vận tải hành khách thì Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đang chú trọng mở rộng phát triển bền vững, đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh ngoài ngành nghề kinh doanh truyền thống. Tích cực hoàn thiện công tác quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác đầu tư, tìm kiếm và phát triển thị trường để tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

Rất mong quý cổ đông và nhà đầu tư chia sẻ và ủng hộ cho HĐQT và ban lãnh đạo Công ty để từng bước vượt qua khó khăn hiện tại, tạo tiền đề vững chắc để phát triển bền vững trong năm 2020 và những năm tiếp theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



NGUYỄN TƯỜNG CỢT



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
ĐỨC LONG GIA LAI**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

M.S.D.N.

M.S.D.N.

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 42

59
ĐẠI
DỊCH
TPA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900437257 ngày 21/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 16 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/11/2017). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 27/2010/GCNCP-VSD - 4 ngày 28/01/2010 với mã chứng khoán DL1. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 10/03/2010.

Vốn điều lệ: 1.011.773.530.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2019: 1.011.773.530.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (84) 0269 3829021
- Fax: (84) 0269 3829021
- Website: <http://www.dl1.com.vn>

Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Buôn bán hàng tiêu dùng (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, bán buôn nông sản (trừ mủ cao su) (không hoạt động tại trụ sở chính) (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ gỗ);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán phân bón, bán buôn cao su thành phẩm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn cà phê;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không hoạt động đấu giá);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Trồng rừng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Chi tiết: Chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ thương mại;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống);
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: May thêu công nghiệp;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới. Chi tiết: Dệt các loại dây phục vụ ngành may như: Dây luồn áo, dây cột giày, dây lõi để dệt dây khóa kéo;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; Hoạt động của các ngầm đường thủy.

Nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến năm tài chính là 71 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 17 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|------------|--|
| • Ông Nguyễn Tường Cột | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 27/04/2018 |
| • Ông Nguyễn Tuyển | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2018 |
| • Ông Đỗ Chiến Đấu | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/06/2019 |
| • Ông Phạm Minh Việt | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/06/2019 |
| • Ông Bùi Minh Đức | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/06/2019 |
| • Ông Hồ Hoàng Đức Huy | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2018
Miễn nhiệm ngày 30/06/2019 |
| • Ông Chu Sỹ Hoạt | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2018
Miễn nhiệm ngày 30/06/2019 |
| • Ông Lý Duy Anh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/04/2018
Miễn nhiệm ngày 30/06/2019 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Võ Sỹ Việt | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2018 |
| • Bà Trần Thị Kim Cúc | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2018 |
| • Ông Vũ Văn Nghĩa | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2018 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Tường Cột | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/05/2016 |
| • Ông Chu Sỹ Hoạt | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/05/2016 |
| • Ông Phạm Tiến Dũng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14/05/2010 |
| • Bà Hà Thị Phương Oanh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 21/12/2007 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Trương Cột

Gia Lai, ngày 16 tháng 04 năm 2020



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 710/2020/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 16/04/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 7 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 9, Công ty đã cho một số tổ chức, cá nhân mượn tiền mà không có tài sản đảm bảo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 16 tháng 04 năm 2020

Đỗ Thị Phượng Thủy - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2019-010-1

11/0
10
T.
M.T
A
11/0

11/0
10
T.
M.T
A
11/0

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		557.864.026.938	1.767.250.472.252
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		942.167.362	6.536.462.831
1. Tiền	111	6	942.167.362	6.536.462.831
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		555.633.503.618	1.234.613.294.552
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	447.847.187.823	174.940.816.387
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.343.860.040	941.565.717.935
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9.a	83.498.040.008	42.062.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	29.591.246.627	76.190.751.110
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(8.646.830.880)	(145.990.880)
IV. Hàng tồn kho	140	12	1.122.035.691	515.037.073.913
1. Hàng tồn kho	141		1.122.035.691	515.037.073.913
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		166.320.267	11.063.640.956
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	166.320.267	189.172.435
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	10.874.468.521
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		771.227.602.798	618.533.466.259
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		307.393.000.000	547.181.980.263
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9.b	307.393.000.000	517.703.516.223
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	-	29.478.464.040
II. Tài sản cố định	220		15.268.704.207	20.025.849.692
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	15.226.850.487	19.970.057.222
- Nguyên giá	222		32.490.706.963	38.326.898.119
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.263.856.476)	(18.356.840.897)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	41.853.720	55.792.470
- Nguyên giá	228		170.135.000	170.135.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(128.281.280)	(114.342.530)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	378.378.595	-
- Nguyên giá	231		1.891.892.974	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.513.514.379)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		448.119.209.582	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17	448.119.209.582	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		68.310.414	51.325.636.304
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	68.310.414	314.433.188
2. Lợi thế thương mại	269		-	51.011.203.116
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.329.091.629.736	2.385.783.938.511

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A.	Nợ phải trả	300		255.253.718.253	1.315.810.027.633
I.	Nợ ngắn hạn	310		111.208.470.945	754.730.110.830
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	28.818.117.408	42.726.099.032
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	2.542.745.597	223.631.917.571
3.	Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	20	5.046.479.407	6.571.069.453
4.	Phải trả người lao động	314		254.934.537	771.565.830
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	23.254.248.820
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	28.116.161	21.950.000
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	22	18.290.717.768	29.638.281.875
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23.a	55.550.000.000	427.354.518.182
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		677.360.067	760.460.067
II.	Nợ dài hạn	330		144.045.247.308	561.079.916.803
1.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	71.657.462.519
2.	Phải trả dài hạn khác	337		-	300.000.000.000
3.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23.b	144.045.247.308	189.422.454.284
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.073.837.911.483	1.069.973.910.878
I.	Vốn chủ sở hữu	410	24	1.073.837.911.483	1.069.973.910.878
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	1.011.773.530.000	1.011.773.530.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.011.773.530.000	1.011.773.530.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	24	1.049.485.820	1.049.485.820
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	24	663.498.805	663.498.805
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	57.447.507.136	41.554.316.175
	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		41.554.316.175	24.834.866.450
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.893.190.961	16.719.449.725
5.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		2.903.889.722	14.933.080.078
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1.329.091.629.736	2.385.783.938.511

Giám đốc



Nguyễn Trường Cột

Gia Lai, ngày 16 tháng 04 năm 2020

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
 KINH DOANH HỢP NHẤT**
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 02 - DN
 Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	201.026.788.860	184.438.455.334
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		201.026.788.860	184.438.455.334
4. Giá vốn hàng bán	11	26	194.036.663.359	174.239.178.264
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		6.990.125.501	10.199.277.070
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	56.578.775.390	62.943.319.689
7. Chi phí tài chính	22	28	20.598.197.851	16.954.494.622
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.598.197.851	16.954.494.622
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh	24		(2.440.854)	-
9. Chi phí bán hàng	25	29.a	1.168.153.123	1.248.812.652
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	12.752.665.991	9.040.976.847
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.047.443.072	45.898.312.638
12. Thu nhập khác	31	30	90.000.000	1.626.202.384
13. Chi phí khác	32	31	10.408.425.520	23.708.748.869
14. Lợi nhuận khác	40		(10.318.425.520)	(22.082.546.485)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.729.017.552	23.815.766.153
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	2.723.552.754	6.548.135.068
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		16.005.464.798	17.267.631.085
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		15.893.190.961	16.709.920.972
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		112.273.837	557.710.113
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	157	165
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		157	165

Giám đốc



Nguyễn Trương Cọt

Gia Lai, ngày 16 tháng 04 năm 2020

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 03 - DN
 Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.729.017.552	23.815.766.153
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	14,15,16	3.672.793.302	8.370.742.985
- Các khoản dự phòng	03	11	8.500.840.000	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	27	(56.576.334.536)	(63.170.592.414)
- Chi phí lãi vay	06	28	20.598.197.851	16.954.494.622
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(5.075.485.831)	(14.029.588.654)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		161.151.681.756	(87.600.304.448)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12	(10.073.793.773)	(132.641.924.403)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		62.467.204.882	71.252.523.204
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	13a,b	268.974.942	477.756.986
- Tiền lãi vay đã trả	14	22,28	(21.505.314.998)	(12.463.180.754)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	20	(4.540.487.277)	(3.545.745.320)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(83.100.000)	(66.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		182.609.679.701	(178.617.263.389)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	227.272.725
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	9	(338.990.100.630)	(586.234.385.239)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	9	107.489.419.687	145.144.185.335
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		(29.456.839.428)	198.697.394.456
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,27	56.335.607.550	7.445.485.194
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(204.621.912.821)	(234.720.047.529)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		50.000.000.000	(150.150.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	23	142.621.337.651	676.026.850.092
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	23	(176.203.400.000)	(356.598.855.807)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16.417.937.651	319.277.844.285
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.594.295.469)	(94.059.466.633)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6	6.536.462.831	100.595.929.464
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6	942.167.362	6.536.462.831

Giám đốc



Nguyễn Tường Cốt

Gia Lai, ngày 16 tháng 04 năm 2020

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900437257 ngày 21/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 16 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/11/2017). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ vận chuyển hành khách; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ; Mua bán đá, phân bón, nông sản; Kinh doanh bất động sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Bán buôn hàng tiêu dùng (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, bán buôn nông sản (trừ mủ cao su) (không hoạt động tại trụ sở chính) (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ gỗ);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán phân bón, bán buôn cao su thành phẩm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Cát, tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn cà phê;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không hoạt động đấu giá);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Trồng rừng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Chi tiết: Chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Dịch vụ thương mại;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Chế biến thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống);
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: May thêu công nghiệp;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới. Chi tiết: Dệt các loại dây phục vụ ngành may như: Dây luồn áo, dây cột giày, dây lõi để dệt dây khóa kéo;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; Hoạt động của các ngầm đường thủy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập bao gồm Công ty mẹ và 2 Công ty con. Tất cả các công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Trong kỳ, Công ty thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long ngày 10/04/2019.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất (gồm 2 công ty)

1. Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không mua bán gỗ); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mua bán phân bón); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. **Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long:** Công ty đã thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long vào ngày 10/04/2019. Sau khi thoái vốn, công ty này trở thành công ty liên kết.

Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu (1 công ty)

Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long

- Địa chỉ trụ sở chính: 149 – 151 đường 9A KDC Trung Sơn, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh Bất động sản.
- Vốn điều lệ: 850.000.000.000 đồng. Trong đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 49%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 49%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) *(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty mẹ và các công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Loại trừ các giao dịch nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng có khả năng không đòi được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên kết sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Công ty đầu tư trong giá trị tài sản thuần của bên được đầu tư sau ngày mua. Trong trường hợp phần lợi ích của Công ty đầu tư trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty đầu tư có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết. Phần sở hữu của Công ty đầu tư trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Theo đó, dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng có khả năng không đòi được.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 48
Phương tiện vận tải	4,5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	Hết khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	8

4.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15

4.9 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Khoản chi phí phải trả của Công ty gồm chi phí lãi vay được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay và khoản chi phí tư vấn phát hành phải trả.

4.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.14 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.20 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.21 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Hoạt động vận tải khách bằng xe buýt, kinh doanh phân bón, hoạt động nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Hoạt động kinh doanh đá, các dịch vụ khác (cho thuê bãi, dịch vụ bến, bến đỗ, cho thuê xe...): Áp dụng thuế suất 10%;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Điều chỉnh hồi tố

Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu năm 2016, 2017 và 2018 theo Thông báo của Cục thuế Gia Lai về tiền thuê đất. Theo đó, kết quả hồi tố như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày	Số liệu tại ngày	Chênh lệch VNĐ	Ghi chú
		01/01/2019 (Đã hồi tố) VNĐ	31/12/2018 VNĐ		
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	-	2.629.386.425	(2.629.386.425)	(1)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.571.069.453	6.170.477.714	400.591.739	(1),(2)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	41.554.316.175	44.584.294.339	(3.029.978.164)	(3)
- LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	24.834.866.450	26.460.400.370	(1.625.533.920)	(3)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	16.719.449.725	18.123.893.969	(1.404.444.244)	(3)

Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Năm 2018	Năm 2018	Chênh lệch VNĐ	Ghi chú
		(Đã hồi tố) VNĐ	VNĐ		
Giá vốn hàng bán	11	174.239.178.264	172.715.240.214	1.523.938.050	(1)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23.815.766.153	25.339.704.203	(1.523.938.050)	(1)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.548.135.068	6.667.628.874	(119.493.806)	(2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	17.267.631.085	18.672.075.329	(1.404.444.244)	(3)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mã số	Năm 2018 (Đã hồi tố) VNĐ	Năm 2018 VNĐ	Chênh lệch VNĐ	Ghi chú
Lợi nhuận trước thuế	01	23.815.766.153	25.339.704.203	(1.523.938.050)	(4)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(87.600.304.448)	(90.229.690.873)	2.629.386.425	(4)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	71.252.523.204	72.357.971.579	(1.105.448.375)	(4)

- Ghi nhận bổ sung tiền thuê đất chưa có quyết định miễn giảm 3.555.855.450 đồng. Trong đó, các năm 2016, 2017, 2018 lần lượt là 985.906.215 đồng, 1.046.011.185 đồng và 1.523.938.050 đồng làm khoản mục “Thuế và các khoản phải thu Nhà nước” tại ngày 01/01/2019 giảm 2.629.386.425 đồng và tăng khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” 926.469.025 đồng. Theo đó, chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” tăng và “Lợi nhuận kế toán trước thuế” năm 2018 giảm cùng một lượng 1.523.938.050 đồng.
- Việc ghi nhận tăng chi phí tiền thuế đất như trên làm cho khoản mục “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” các năm 2016, 2017, 2018 giảm lần lượt 197.181.243 đồng, 209.202.237 đồng và 119.493.806 đồng. Theo đó, khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” giảm tổng cộng 525.877.286 đồng.
- Tổng hợp các điều chỉnh trên làm “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tại ngày 01/01/2019 giảm 3.029.978.164 đồng do “Lợi nhuận sau thuế TNDN” các năm 2016, 2017 và 2018 giảm lần lượt là 788.724.971 đồng, 836.808.948 đồng và 1.404.444.244 đồng.
- Điều chỉnh một số chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018 do ảnh hưởng của các điều chỉnh tại (1) và (2).

Đơn vị tính: VND

6. Tiền

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	664.815.436	4.866.678.764
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	277.351.926	1.669.784.067
Cộng	942.167.362	6.536.462.831

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (bên liên quan) (i)	38.795.335.648	17.289.180.000
Cao Quế Sơn (ii)	190.650.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Hướng Việt (iii)	168.000.000.000	-
Các đối tượng khác	50.401.852.175	157.651.636.387
Cộng	447.847.187.823	174.940.816.387

(i) Trong tổng nợ phải thu Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai có 17.001.680.000 đồng là nợ phải thu liên quan đến việc chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng vào ngày 06/06/2018. Thời hạn phải thanh toán theo hợp đồng là ngày 03/07/2018.

(ii) Đây là khoản nợ phải thu ông Cao Quế Sơn liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần mà Công ty đã đầu tư vào Công ty con là Công ty CP Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long vào ngày 10/04/2019. Ngày 19/03/2020, ông Sơn đã thanh toán khoản nợ này.

(iii) Đây là khoản nợ phải thu Công ty CP Bất động sản Hướng Việt liên quan đến chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long vào ngày 10/04/2019. Thời hạn phải thanh toán theo hợp đồng là đến ngày 31/12/2019.

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai	1.108.530.040	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng DLG-CONS	1.325.330.000	-
Các đối tượng khác	910.000.000	941.565.717.935
Cộng	3.343.860.040	941.565.717.935

9. Phải thu về cho vay

a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Trần Thị Hồng	15.000.000.000	13.385.000.000
Hồ Thị Thu	17.000.000.000	-
Hoàng Thị Thu Hà	17.800.000.000	-
Nguyễn Thị Hào	18.000.000.000	-
Y Gia Nhi	11.120.000.000	-
Các đối tượng khác	4.578.040.008	28.677.000.000
Cộng	83.498.040.008	42.062.000.000

Cho các cá nhân mượn tiền (không có tài sản thế chấp) theo các hợp đồng cho mượn tiền cụ thể. Thời gian cho mượn trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho mượn từ 7,2% - 10,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH Đức Long Dung Quất (i)	146.369.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai (ii)	100.000.000.000	-
Hồ Thị Mỹ Trinh (iii)	50.000.000.000	-
Các đối tượng khác (iv)	11.024.000.000	517.703.516.223
Cộng	<u>307.393.000.000</u>	<u>517.703.516.223</u>

- (i) Cho Công ty TNHH Đức Long Dung Quất mượn tiền theo Hợp đồng cho mượn tiền số 01/2018/HĐ ngày 15/04/2018, lãi suất 9,5%/năm. Thời hạn cho mượn là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- (ii) Cho Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai mượn tiền theo hợp đồng cho mượn số 118/HĐ-CT ngày 25/08/2019. Thời hạn cho mượn trong vòng 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho mượn 8,5%/năm.
- (iii) Cho bà Hồ Thị Mỹ Trinh mượn tiền theo hợp đồng cho mượn số 110/HĐ-CT ngày 16/04/2019. Thời gian cho mượn trong vòng 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho mượn 7%/năm.
- (iv) Cho các đối tượng khác mượn tiền theo từng Hợp đồng cho mượn cụ thể, lãi suất cho mượn là 9,6%/năm. Thời hạn cho mượn là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(*) Tổng các khoản cho mượn tại ngày 31/12/2019 là 390.891.040.008 đồng. Các khoản cho mượn này đều không có tài sản đảm bảo.

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	4.000.000.000	-	34.000.000	-
Lãi dự thu	25.105.483.894	-	41.903.658.171	-
Tạm ứng	300.368.391	-	522.374.529	-
Phải thu khác	185.394.342	(145.990.880)	33.730.718.410	(145.990.880)
Cộng	<u>29.591.246.627</u>	<u>(145.990.880)</u>	<u>76.190.751.110</u>	<u>(145.990.880)</u>

b. Dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	-	-	29.478.464.040	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>29.478.464.040</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Chung cổ đông lớn	4.133.764.529	4.000.000.000
Cộng		4.133.764.529	4.000.000.000

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	8.646.830.880	145.990.880
- Từ 3 năm trở lên	145.990.880	145.990.880
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	8.500.840.000	-
Cộng	8.646.830.880	145.990.880

b. Nợ xấu

	31/12/2019			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng				
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	17.001.680.000	8.500.840.000	Từ 1 - 2 năm	Quá hạn thanh toán
Phải thu khác				
- Lê Phú Hà	145.990.880	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Cộng	17.147.670.880	8.500.840.000		

	01/01/2019			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khác				
- Lê Phú Hà	145.990.880	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Cộng	145.990.880	-		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào nợ gốc khoản phải thu trừ đi mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.118.357.091	-	515.037.073.913	-
Hàng hóa	3.678.600	-	-	-
Cộng	1.122.035.691	-	515.037.073.913	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2019.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2019.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Vé, hóa đơn GTGT kiêm lệnh xuất kho	4.977.273	31.318.182
Chi phí lốp, săm yếm ô tô	116.753.700	99.241.111
Chi phí bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm thân thể	32.589.656	35.981.232
Chi phí định vị, bảo trì phần mềm, phí đường bộ	7.292.822	11.407.410
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.706.816	11.224.500
Cộng	166.320.267	189.172.435

b. Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	68.310.414	216.731.015
Chi phí sửa chữa lớn	-	97.702.173
Cộng	68.310.414	314.433.188

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	26.761.996.873	11.497.501.246	67.400.000	38.326.898.119
Chuyển sang BĐS đầu tư	1.891.892.974	-	-	1.891.892.974
Thay đổi do hợp nhất	-	(3.944.298.182)	-	(3.944.298.182)
Số cuối kỳ	24.870.103.899	7.553.203.064	67.400.000	32.490.706.963
Khấu hao				
Số đầu kỳ	11.908.038.783	6.381.402.114	67.400.000	18.356.840.897
Khấu hao trong kỳ	1.315.058.808	747.200.967	-	2.062.259.775
Chuyển sang BĐS đầu tư	1.513.514.379	-	-	1.513.514.379
Thay đổi do hợp nhất	-	(1.641.729.817)	-	(1.641.729.817)
Số cuối kỳ	11.709.583.212	5.486.873.264	67.400.000	17.263.856.476
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	14.853.958.090	5.116.099.132	-	19.970.057.222
Số cuối kỳ	13.160.520.687	2.066.329.800	-	15.226.850.487

- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2019.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 3.648.411.919 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	170.135.000	170.135.000
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	170.135.000	170.135.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	114.342.530	114.342.530
Khấu hao trong kỳ	13.938.750	13.938.750
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	128.281.280	128.281.280
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	55.792.470	55.792.470
Số cuối kỳ	41.853.720	41.853.720

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2019.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 58.625.000 đồng.

16. Bất động sản đầu tư

	Cơ sở hạ tầng VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	-	-
Chuyển từ TSCĐ hữu hình	1.891.892.974	1.891.892.974
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.891.892.974	1.891.892.974
Khấu hao lũy kế		
Số đầu kỳ	-	-
Chuyển từ TSCĐ hữu hình	1.513.514.379	1.513.514.379
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.513.514.379	1.513.514.379
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	378.378.595	378.378.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2019			01/01/2019	
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên kết					
- Công ty CP ĐTXD Vạn Gia Long	Đang hoạt động	49%	49%	4.165.000	448.119.209.582
					448.119.209.582
Cộng					448.119.209.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai	17.385.000.000	-
Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	9.897.915.960	-
Các đối tượng khác	1.535.201.448	42.726.099.032
Cộng	28.818.117.408	42.726.099.032

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP XD và KD Địa ốc Tân Kỳ	2.501.813.597	7.997.563.000
Các đối tượng khác	40.932.000	215.634.354.571
Cộng	2.542.745.597	223.631.917.571

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Thay đổi do hợp nhất	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	150.556.931	1.191.593.585	1.227.251.736	-	114.898.780
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.483.212.787	2.723.552.754	4.540.487.277	(1.460.583)	3.664.817.681
Thuế thu nhập cá nhân	10.830.710	17.493.950	4.257.870	-	24.066.790
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	926.469.025	2.252.938.050	1.936.710.919	-	1.242.696.156
Các loại thuế khác	-	34.032.645	34.032.645	-	-
Cộng	6.571.069.453	6.219.610.984	7.742.740.447	(1.460.583)	5.046.479.407

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

21. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	28.116.161	21.950.000
Cộng	28.116.161	21.950.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN phải nộp	-	45.514.373
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	365.614.765	6.601.619.940
Phải trả khác	17.925.103.003	22.991.147.562
- Cổ tức phải trả	109.000	109.000
- Lãi vay phải trả	17.901.954.376	6.515.925.773
Trong đó:		
+ Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông (bên liên quan)	17.175.502.322	-
+ Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (bên liên quan)	726.452.054	-
- Phải trả khác	23.039.627	16.475.112.789
Cộng	18.290.717.768	29.638.281.875

23. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Thay đổi do hợp nhất	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	426.098.518.182	120.145.400.000	117.045.400.000	(373.648.518.182)	55.550.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (bên liên quan)	7.845.000.000	4.245.400.000	4.245.400.000	(7.845.000.000)	-
- Công ty Cổ phần BOT & BT Đức Long Đăk Nông (bên liên quan)	-	2.700.000.000	-	-	2.700.000.000
- Công ty TNHH Cung ứng vật tư nguyên liệu Tây Nguyên	25.996.700.000	-	-	(25.996.700.000)	-
- Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp DLGL	170.000.000.000	-	-	(170.000.000.000)	-
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Nam Gia Lai	16.000.000.000	34.500.000.000	37.000.000.000	-	13.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	36.450.000.000	78.700.000.000	75.800.000.000	-	39.350.000.000
- Trái phiếu thường	169.806.818.182	-	-	(169.806.818.182)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.256.000.000	-	816.000.000	(440.000.000)	-
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Sở Giao dịch	640.000.000	-	640.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Quận 4	616.000.000	-	176.000.000	(440.000.000)	-
Cộng	427.354.518.182	120.145.400.000	117.861.400.000	(374.088.518.182)	55.550.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Thay đổi do hợp nhất	Cuối kỳ
Vay dài hạn	190.678.454.284	22.475.937.651	59.158.000.000	(9.951.144.627)	144.045.247.308
- Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Quận 4	1.594.000.000	-	176.000.000	(1.418.000.000)	-
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Sở Giao dịch	640.000.000	-	640.000.000	-	-
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (bên liên quan) (*)	171.015.309.657	21.530.937.651	48.501.000.000	-	144.045.247.308
- Công ty CP ĐT&KD Bất động sản Đức Long Gia Lai (bên liên quan)	3.894.863.859	550.000.000	2.083.000.000	(2.361.863.859)	-
- Công ty TNHH SX - TM - DV Đồng Phú Hưng	8.034.280.768	395.000.000	7.758.000.000	(671.280.768)	-
- Võ Thị Thu Hằng	1.000.000.000	-	-	(1.000.000.000)	-
- Nguyễn Hoàng Giang	4.500.000.000	-	-	(4.500.000.000)	-
Cộng	190.678.454.284	22.475.937.651	59.158.000.000	(9.951.144.627)	144.045.247.308
Trong đó:					
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	1.256.000.000				-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	189.422.454.284				144.045.247.308

(*) Vay dài hạn Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai theo hợp đồng vay vốn số 03/2018/HĐVV ngày 22/04/2018, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 9,5%/năm. Hạn mức vay là 200.000.000.000 đồng.

24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2018	1.011.773.530.000	1.049.485.820	663.498.805	24.834.866.450
Tăng trong kỳ	-	-	-	16.719.449.725
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	1.011.773.530.000	1.049.485.820	663.498.805	41.554.316.175
Số dư tại 01/01/2019	1.011.773.530.000	1.049.485.820	663.498.805	41.554.316.175
Tăng trong kỳ	-	-	-	15.893.190.961
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	1.011.773.530.000	1.049.485.820	663.498.805	57.447.507.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2019	Năm 2018
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	1.011.773.530.000	1.011.773.530.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	1.011.773.530.000	1.011.773.530.000
Cổ tức đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	101.177.353	101.177.353
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	101.177.353	101.177.353
- Cổ phiếu phổ thông	101.177.353	101.177.353
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	101.177.353	101.177.353
- Cổ phiếu phổ thông	101.177.353	101.177.353
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	41.554.316.175	24.834.866.450
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	15.893.190.961	16.709.920.972
Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	9.528.753
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	57.447.507.136	41.554.316.175

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	6.079.141.903	7.881.345.365
Doanh thu dịch vụ bến bãi	12.493.639.957	12.378.879.424
Doanh thu bán đá	101.494.732.000	99.918.166.000
Doanh thu bán phân bón	80.959.275.000	26.529.220.000
Doanh thu khác	-	37.730.844.545
Cộng	201.026.788.860	184.438.455.334

26. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	5.758.892.602	7.013.969.632
Giá vốn dịch vụ bến bãi	5.960.140.257	5.847.937.623
Giá vốn bán đá	101.418.070.500	99.672.033.100
Giá vốn bán phân bón	80.899.560.000	26.518.520.000
Giá vốn khác	-	35.186.717.909
Cộng	194.036.663.359	174.239.178.264

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	39.537.433.273	44.757.646.158
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	17.041.342.117	18.185.673.531
Cộng	56.578.775.390	62.943.319.689

28. Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí lãi vay	20.598.197.851	16.954.494.622
Cộng	20.598.197.851	16.954.494.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nhân công	1.054.303.123	1.202.578.247
Các khoản khác	113.850.000	46.234.405
Cộng	1.168.153.123	1.248.812.652

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nhân công	1.551.260.930	2.010.185.834
Chi phí khấu hao	594.202.819	611.196.999
Lợi thế thương mại	1.596.594.777	5.747.741.196
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	8.500.840.000	-
Các khoản khác	509.767.465	671.852.818
Cộng	12.752.665.991	9.040.976.847

30. Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
Phí chuyển nhượng căn hộ	90.000.000	1.053.200.000
Các khoản thu nhập khác	-	573.002.384
Cộng	90.000.000	1.626.202.384

31. Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp	227.827.395	278.351.988
Phạt vi phạm hợp đồng	10.158.910.446	23.089.392.558
Các khoản khác	21.687.679	341.004.323
Cộng	10.408.425.520	23.708.748.869

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019	Năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.729.017.552	23.815.766.153
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(5.111.253.779)	8.924.909.189
- Điều chỉnh tăng	2.501.154.328	8.924.909.189
+ Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	227.827.395	315.798.988
+ Phân bổ lợi thế thương mại	1.596.594.777	5.747.741.196
+ Lãi do thoái vốn công ty con	-	1.571.706.469
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	674.291.302	1.289.662.536
+ Lỗ trong công ty liên doanh liên kết	2.440.854	-
- Điều chỉnh giảm	7.612.408.107	-
+ Lãi do thoái vốn công ty con	7.612.408.107	-
Tổng thu nhập chịu thuế	13.617.763.773	32.740.675.342
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.723.552.754	6.548.135.068

33. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	22.693.862.961	16.709.920.972
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.693.862.961	16.709.920.972
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	101.177.353	101.177.353
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	224	165

(*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi. Đại hội cổ đông của Công ty không quy định tỷ lệ trích lập các quỹ cụ thể. Hằng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được, Ban điều hành sẽ đề xuất số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.189.502.800	4.189.695.920
Chi phí nhân công	5.173.961.454	8.264.987.648
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.076.198.525	2.623.001.789
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.522.322.411	123.543.653.372
Chi phí khác bằng tiền	3.650.547.179	7.258.308.041
Cộng	25.612.532.369	145.879.646.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

10/10/2020

10/10/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính).

Báo cáo bộ phận phân biệt theo lĩnh vực kinh doanh:

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh	Dịch vụ vận chuyển và bến bãi		Bán đá		Bán đầu nành, phần bốn		Hoạt động khác		Cộng	
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.572.781.860	20.260.224.789	101.494.732.000	99.918.166.000	80.959.275.000	28.596.340.000	-	35.663.724.545	201.026.788.860	184.438.453.334
Giá vốn hàng bán	11.719.032.859	12.861.907.255	101.418.070.500	99.672.033.100	80.899.560.000	28.573.895.000	-	33.131.342.909	194.036.663.359	174.239.178.264
Lợi nhuận gộp của bộ phận kinh doanh	6.853.749.001	7.398.317.534	76.661.500	246.132.900	59.715.000	22.445.000	-	2.532.381.636	6.990.125.501	10.199.277.070
Doanh thu HĐ tài chính không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	56.578.775.390	62.943.319.689
Chi phí tài chính không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	20.598.197.851	16.954.494.622
Chi phí bán hàng	1.168.153.123	1.154.701.756	-	94.110.896	-	-	-	-	1.168.153.123	1.248.812.652
Chi phí quản lý DN không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	12.752.665.991	9.040.976.847
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	-	-	-	-	-	-	-	-	29.049.883.926	45.898.312.638
Tài sản cố định hữu hình	15.226.850.487	17.498.595.599	-	-	-	-	-	2.471.461.623	15.226.850.487	19.970.057.222
- Nguyên giá	32.490.706.963	34.382.599.937	-	-	-	-	-	3.944.298.182	32.490.706.963	38.326.898.119
- Hao mòn lũy kế	(17.263.856.476)	(16.884.004.338)	-	-	-	-	-	(1.472.836.559)	(17.263.856.476)	(18.356.840.897)
Tài sản cố định vô hình	41.853.720	55.792.470	-	-	-	-	-	-	41.853.720	55.792.470
- Nguyên giá	170.135.000	170.135.000	-	-	-	-	-	-	170.135.000	170.135.000
- Hao mòn lũy kế	(128.281.280)	(114.342.530)	-	-	-	-	-	-	(128.281.280)	(114.342.530)
Bất động sản đầu tư	378.378.595	-	-	-	-	-	-	-	378.378.595	-
- Nguyên giá	1.891.892.974	-	-	-	-	-	-	-	1.891.892.974	-
- Hao mòn lũy kế	(1.513.514.379)	-	-	-	-	-	-	-	(1.513.514.379)	-
Phải thu khách hàng	1.043.415.630	882.408.828	49.358.436.545	17.394.757.000	21.333.635.648	818.032.000	376.111.700.000	155.845.618.559	447.847.187.823	174.940.816.387
Trả trước cho người bán	410.000.000	1.979.068.008	1.108.530.040	4.282.461.090	-	-	1.825.330.000	935.304.188.837	3.343.860.040	941.565.717.935
Phải trả người bán	401.101.448	124.133.227	9.897.915.960	-	17.385.000.000	-	1.134.100.000	42.601.965.805	28.818.117.408	42.726.099.032
Người mua trả tiền trước	40.932.000	-	-	1.299.679.552	-	-	2.501.813.597	293.989.700.538	2.542.745.597	295.289.380.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào. Nguyên liệu đầu vào của công ty chủ yếu là xăng dầu và các sản phẩm liên quan đến việc sửa chữa thay thế các bộ phận của xe vận chuyển. Hàng hóa của Công ty là các sản phẩm đá, đậu nành, phân bón. Giá bán xăng dầu không có sự chênh lệch giữa các nhà cung cấp. Đối với việc sửa chữa thay thế các bộ phận của xe vận chuyển, Công ty có chính sách khảo sát giá của nhiều nhà cung cấp khác nhau, sau đó lựa chọn nhà cung cấp phù hợp. Đối với hàng hóa (đá, đậu nành, phân bón), Công ty thực hiện ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa nguồn cung cấp của Công ty. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận thấy rủi ro trọng yếu đối với việc thay đổi giá nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Cụ thể, rủi ro đối với các khoản phải thu từ hoạt động xây lắp là tương đối cao do chịu ảnh hưởng chung từ khó khăn hiện nay của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; rủi ro đối với các khoản phải thu từ bán hàng hóa với các khách hàng thường xuyên là tương đối thấp. Để quản lý rủi ro này, Công ty luôn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

Tiền gửi ngắn hạn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín và được bảo hiểm tiền gửi.

Các khoản đầu tư được Ban Giám đốc quan tâm và thường xuyên theo dõi tình hình kinh doanh của các công ty đầu tư, đối với các công ty có kết quả kinh doanh lỗ, vốn chủ sở hữu tổn thất thì Công ty đã trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Đối với các khoản cho cá nhân và tổ chức vay, công ty luôn có chính sách tín dụng phù hợp, thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	28.818.117.408	-	28.818.117.408
Vay và nợ thuê tài chính	55.550.000.000	144.045.247.308	199.595.247.308
Phải trả khác	18.290.717.768	-	18.290.717.768
Cộng	102.658.835.176	144.045.247.308	246.704.082.484

01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	42.726.099.032	-	42.726.099.032
Chi phí phải trả	23.254.248.820	-	23.254.248.820
Vay và nợ thuê tài chính	427.354.518.182	189.422.454.284	616.776.972.466
Phải trả khác	29.592.767.502	300.000.000.000	329.592.767.502
Cộng	522.927.633.536	489.422.454.284	1.012.350.087.820

Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	942.167.362	-	942.167.362
Phải thu khách hàng	439.346.347.823	-	439.346.347.823
Phải thu về cho vay	83.498.040.008	307.393.000.000	390.891.040.008
Phải thu khác	29.144.887.356	-	29.144.887.356
Cộng	552.931.442.549	307.393.000.000	860.324.442.549

01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.536.462.831	-	6.536.462.831
Phải thu khách hàng	174.940.816.387	-	174.940.816.387
Phải thu về cho vay	42.062.000.000	517.703.516.223	559.765.516.223
Phải thu khác	75.522.385.701	29.478.464.040	105.000.849.741
Cộng	299.061.664.919	547.181.980.263	846.243.645.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Chung cổ đông lớn
Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2019	Năm 2018
Bán hàng			
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Cho thuê xe	305.454.544	381.818.184
	Bán đá	24.052.582.000	42.269.496.000
	Bán phân bón	80.959.275.000	-
Mua hàng			
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Thuê xe buýt	480.000.000	480.000.000
	Thuê ki-ốt	1.056.000.000	1.056.000.000
Giao dịch khác			
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Lãi vay phải trả	13.945.842.929	12.245.593.160
Công ty CP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	Đi vay	2.700.000.000	-
	Lãi vay phải trả	726.452.054	-

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2019	Năm 2018
Lương Ban Giám đốc	356.727.321	359.976.462

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

39. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại mục số 5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giám đốc



Nguyễn Tường Cột

Gia Lai, ngày 16 tháng 04 năm 2020

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

